

8V
PCGH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TOÁN

1

SÁCH CẤP I PHỔ CẬP

1



2



3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TOÁN 1

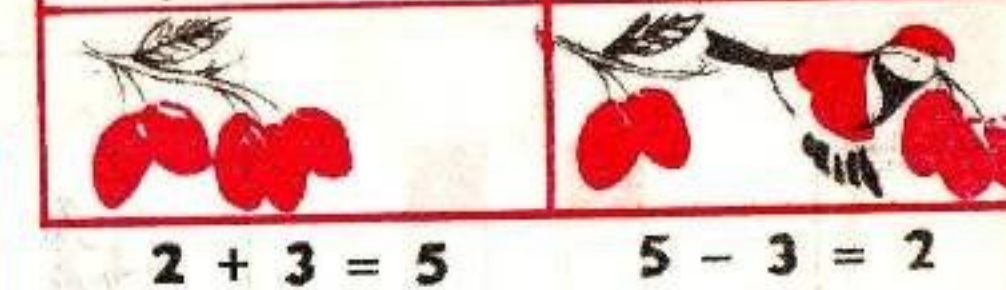
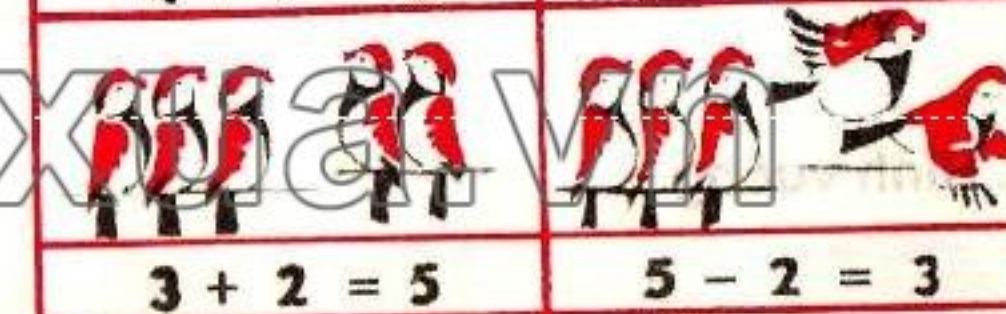
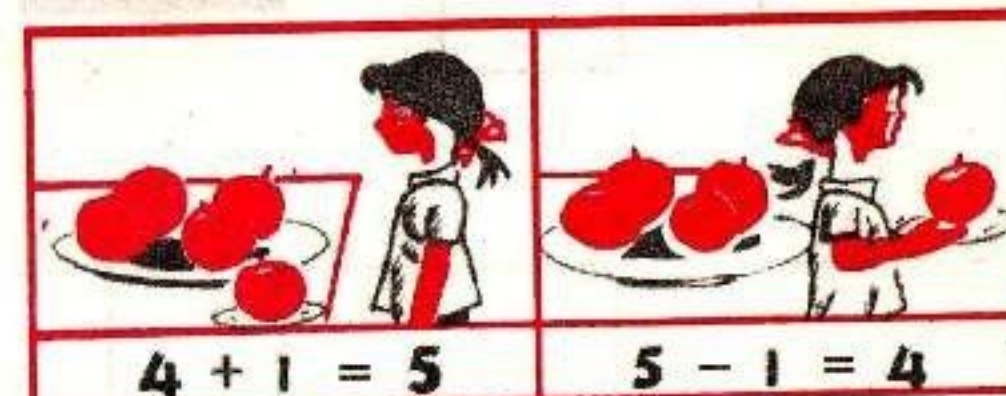
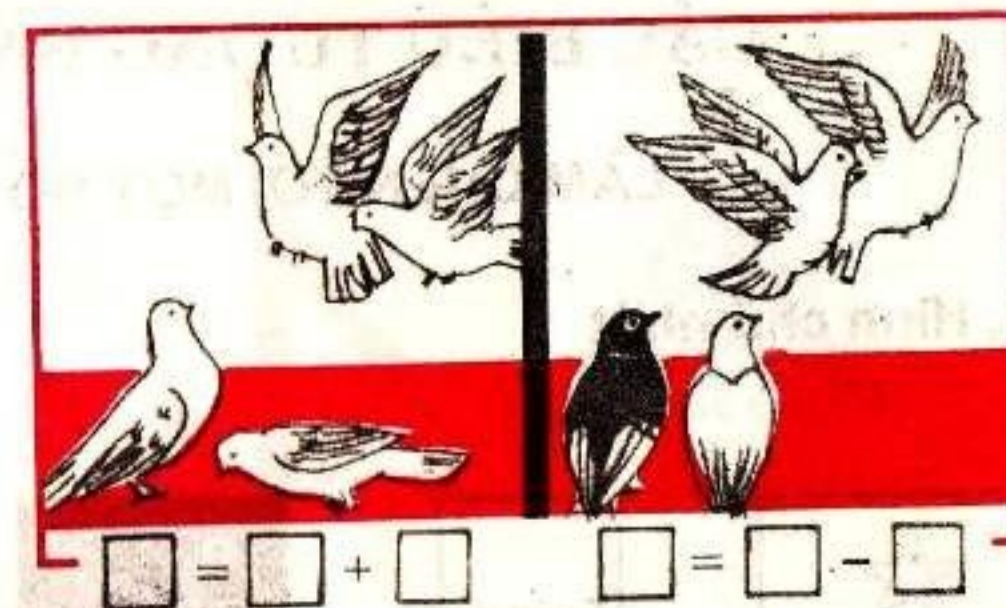
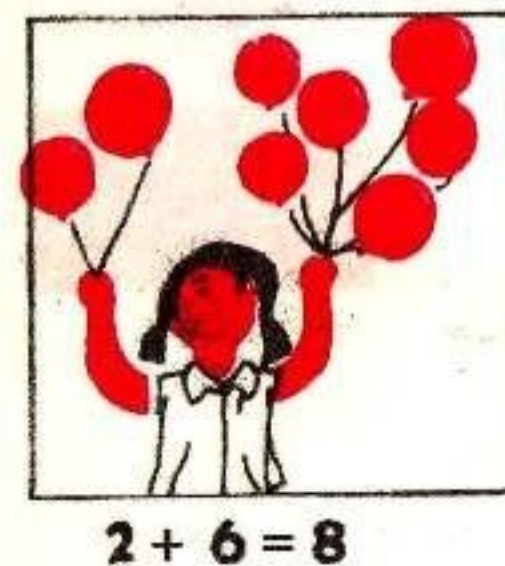
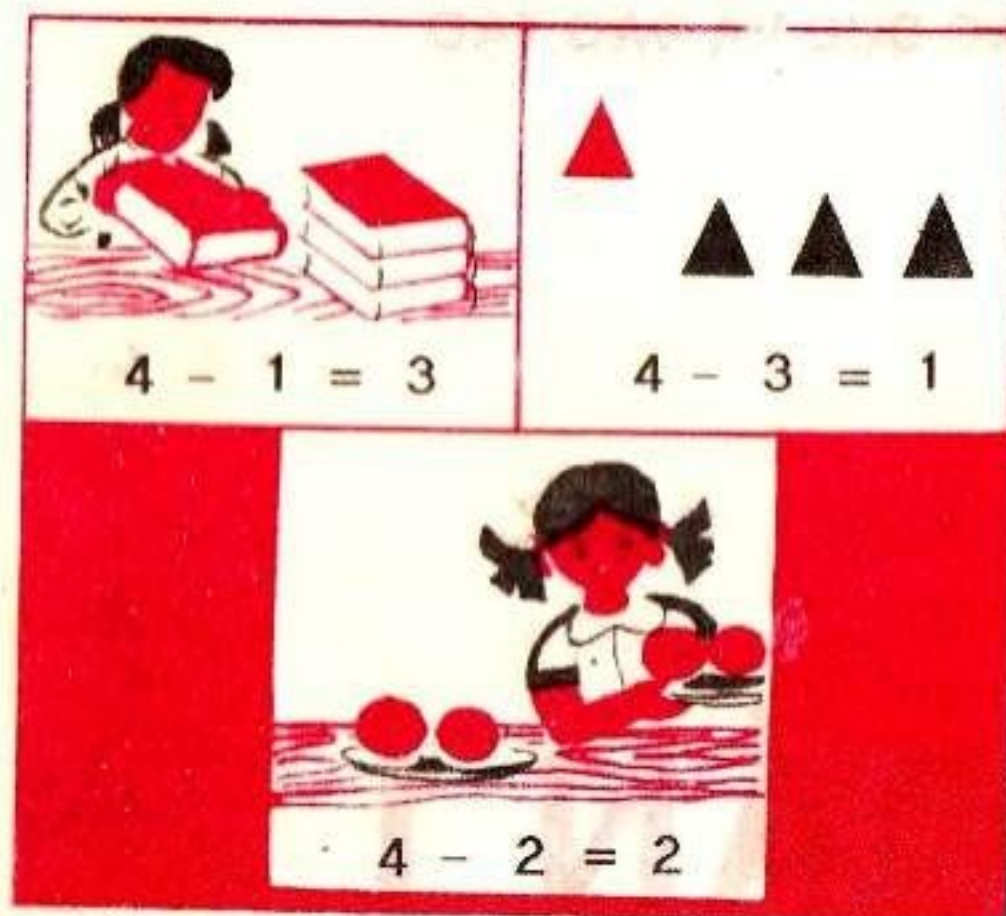
SÁCH CẤP 1 PHỔ CẬP

(In lần thứ 5)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC 1994

8V
pegH
THƯ VIỆN TỰ NHIÊN



thuongmaitrucvongxav

Tổ chức biên soạn : VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biên soạn : ĐÀO NÃI (chủ biên)

ĐỖ TRUNG HIỆU

Biên tập : LÊ KIM THANH

Vẽ bìa : PHẠM NGỌC TỚI

Minh họa : HỒNG KỲ

Biên tập mỹ thuật : TẠ TRỌNG TRÍ

Trình bày và biên tập kĩ thuật : ĐOÀN HỒNG

Toán 1 (Sách cấp I phổ cập) Đào Nãi, Đỗ Trung Hiệu - In lần thứ 5 - H. : Giáo dục, 1994. 64 trang. 14,5 x 20,5cm.

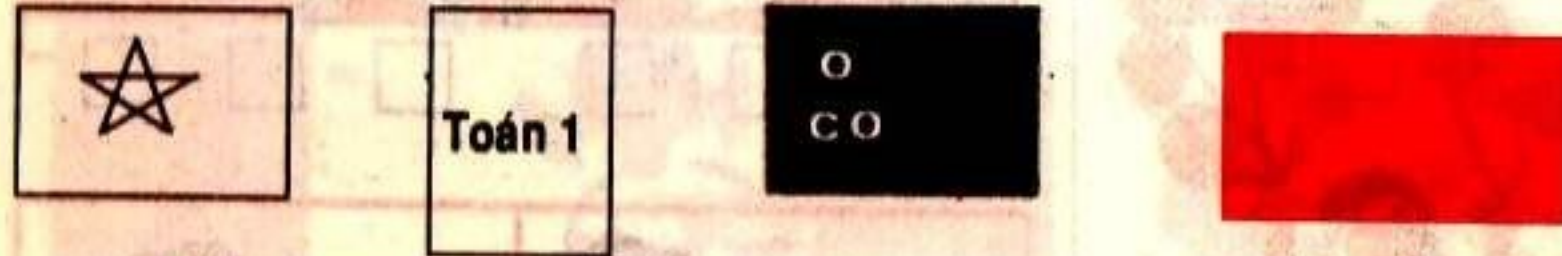
MS : 4P102T4

51 (075)

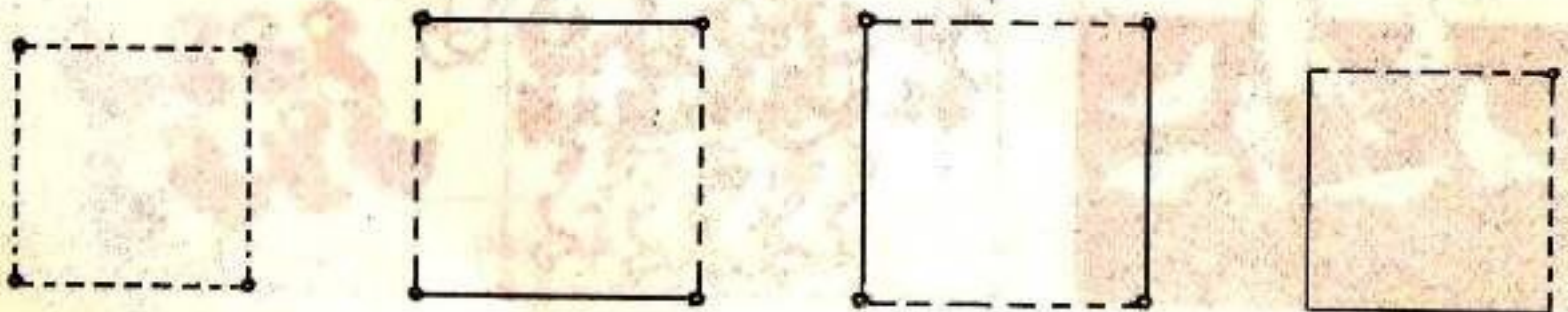
CÁC BIỂU TƯỢNG BAN ĐẦU

LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ HÌNH

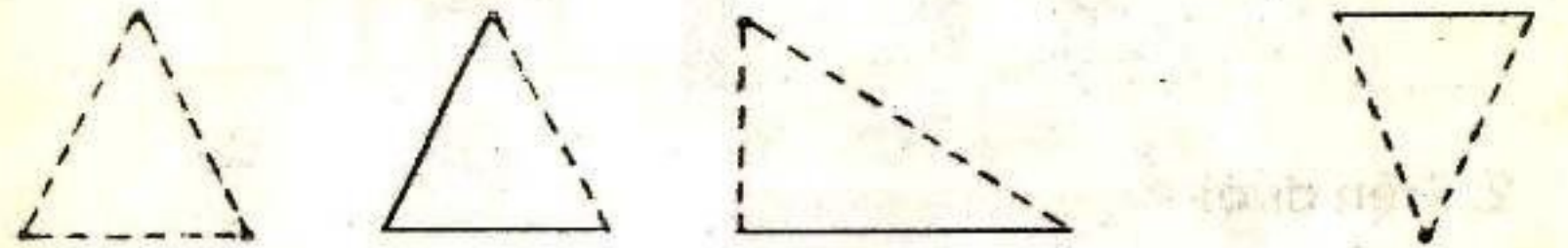
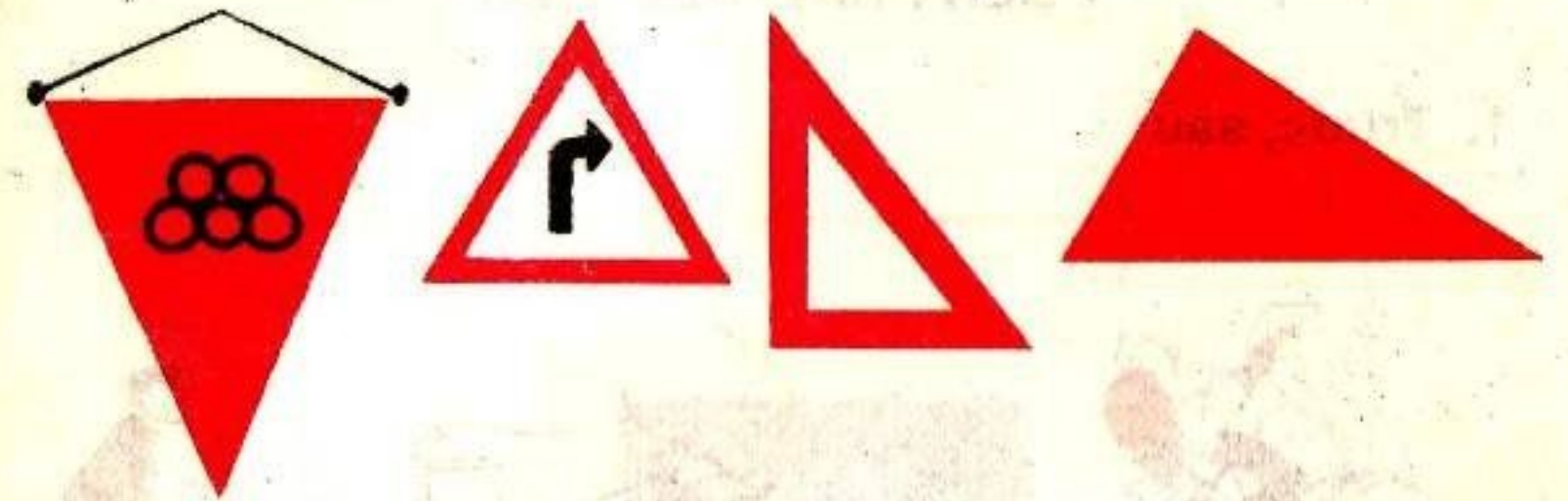
1. Hình chữ nhật



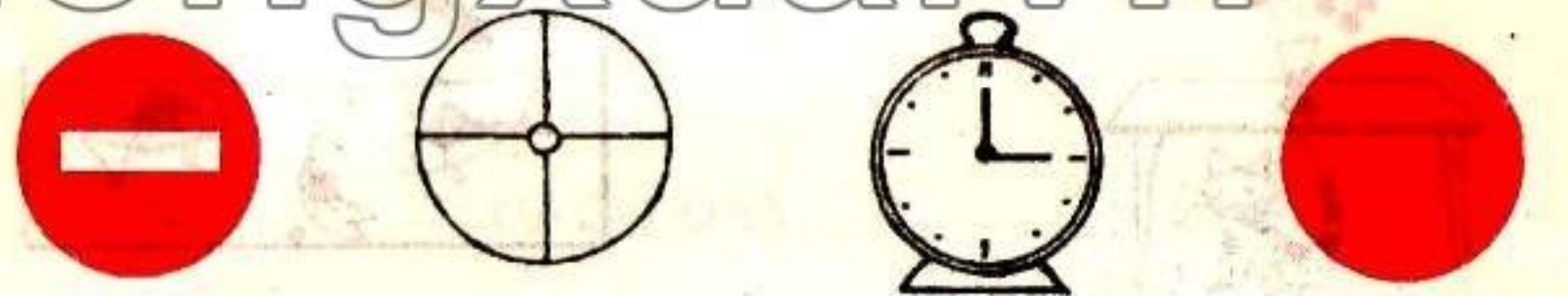
2. Hình vuông



3. Hình tam giác



4. Hình tròn

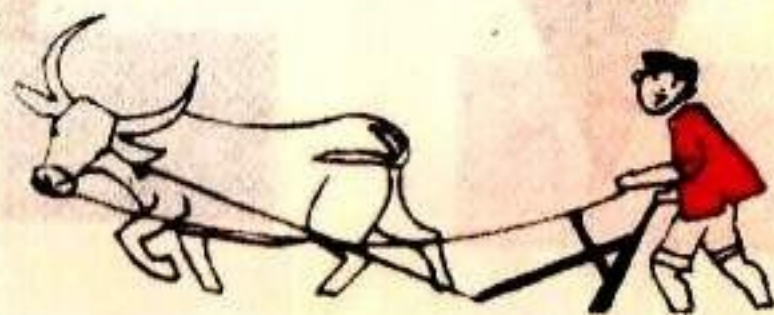


CÁCH DẠY

- Giới thiệu và gọi tên các đồ vật có dạng là hình mới học.
- Vẽ biểu diễn hình đó bằng bút, thước.
- Nối liền các nét chấm để được hình vừa học.
- Kể tên vật có dạng là hình vừa học.

TRƯỚC, SAU - TRÊN DƯỚI BÊN PHẢI - BÊN TRÁI

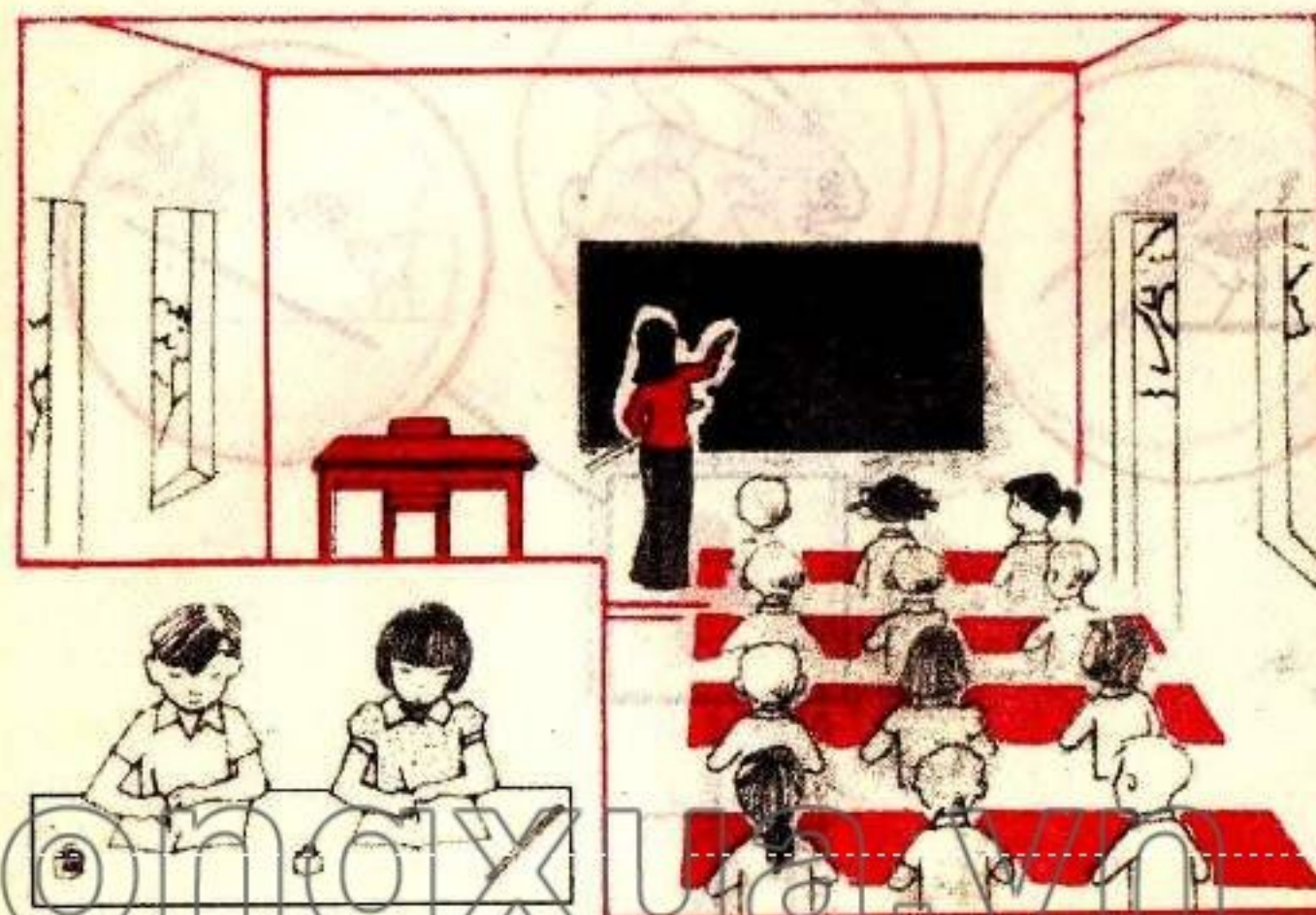
1. Trước, sau



2. Trên dưới



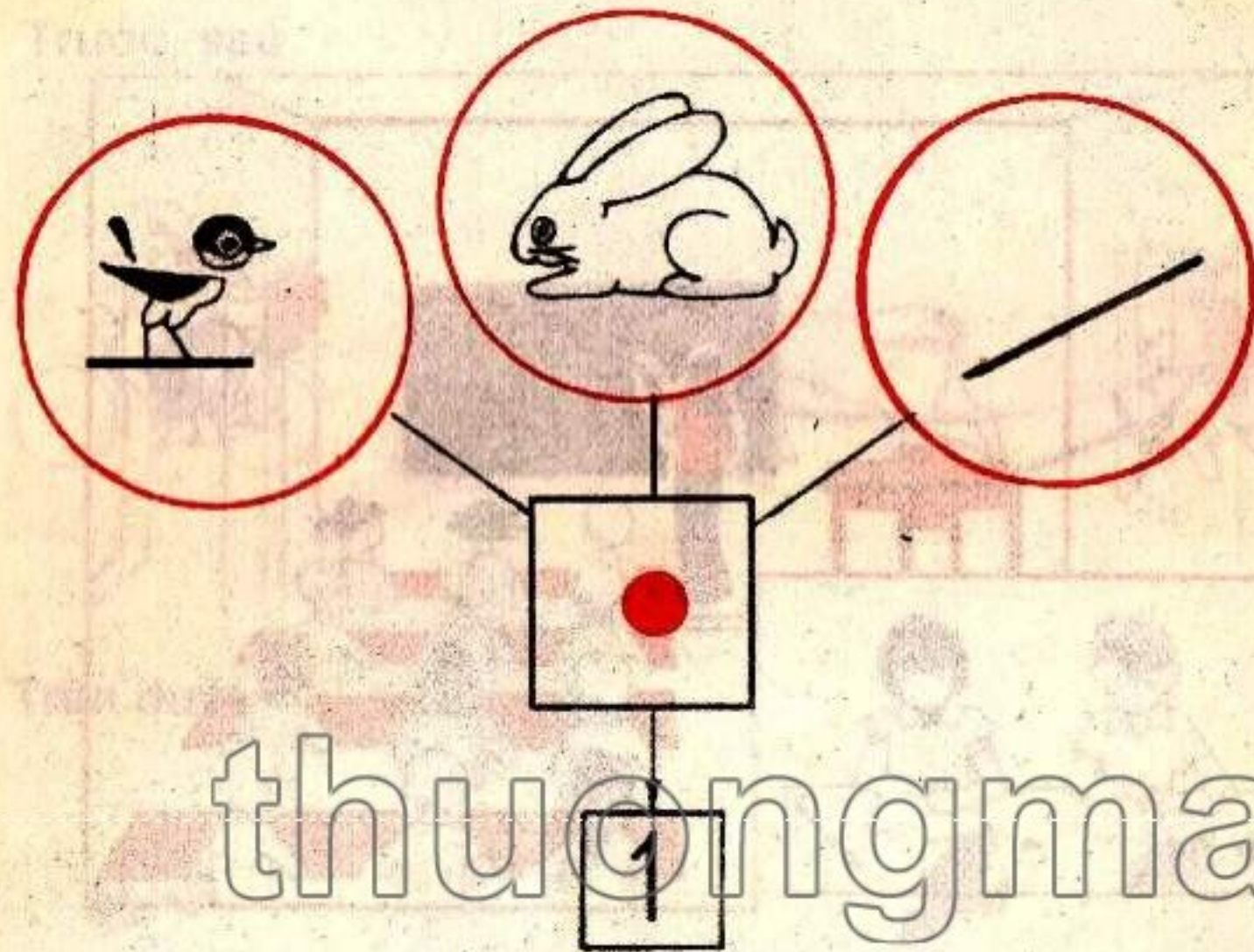
3. Bên phải, bên trái



CÁCH DẠY

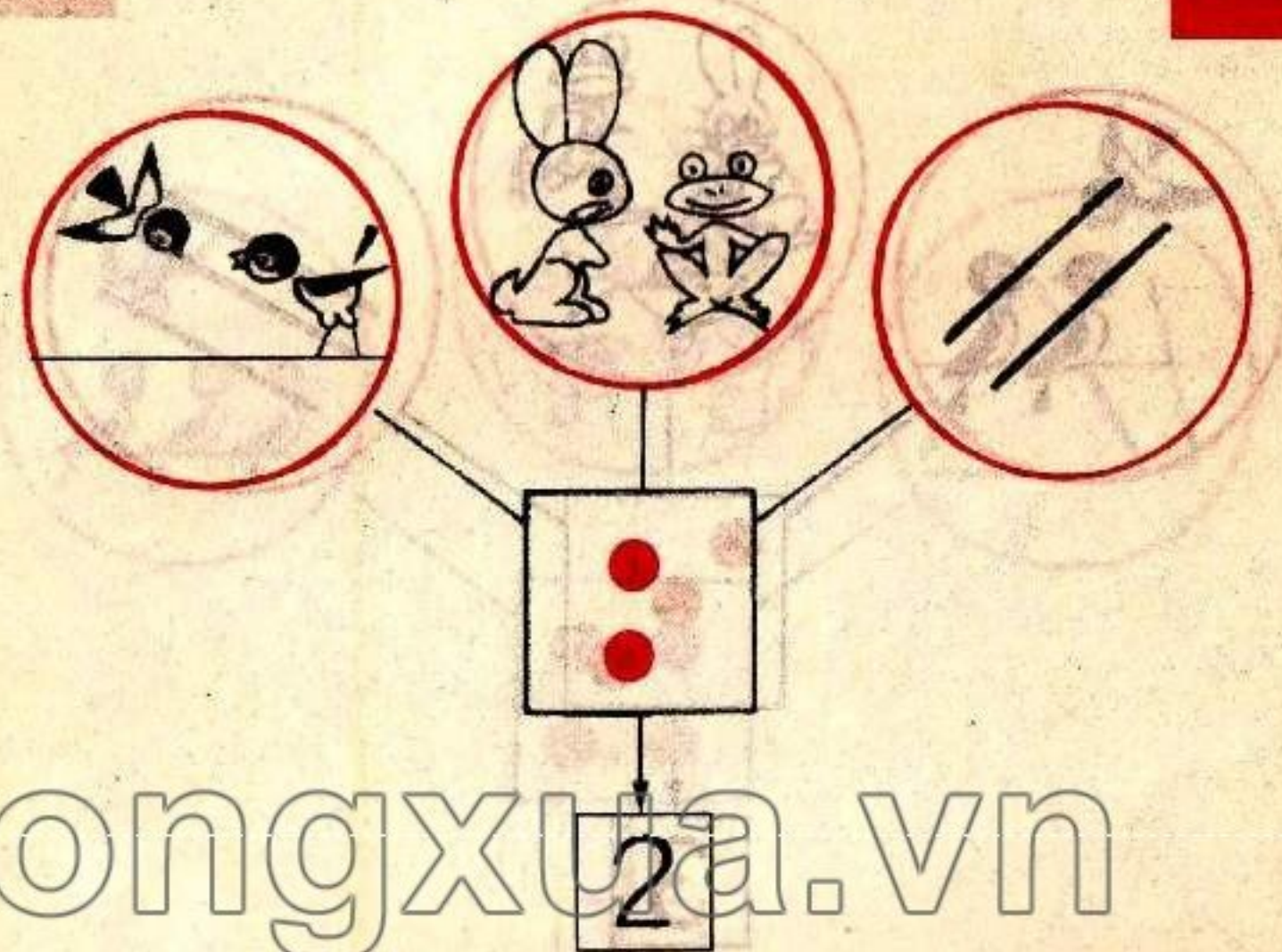
Cho học sinh quan sát từng hình vẽ và trả lời câu hỏi dạng:

- Mẹ đạp xe, đèo bé. Ai ngồi trước? Ai ngồi sau?
- Nồi cơm trên bếp kiềng. Cái gì ở trên bếp kiềng? Cái gì ở dưới nồi cơm?
- Cô giáo viết bảng bằng tay nào? Cầm thước kẻ bằng tay nào?
- Tập phát biểu mối quan hệ theo cả 2 cách như: "Mẹ ngồi trước bé - Bé ngồi sau mẹ".



CÁCH DẠY

- Đếm số con chim, số đồ chơi, số que tính : đều chỉ có "một"
- Giới thiệu mặt xúc xắc biểu diễn số và chữ số 1
- Tập viết chữ số 1



$$1 + 1 = 2$$

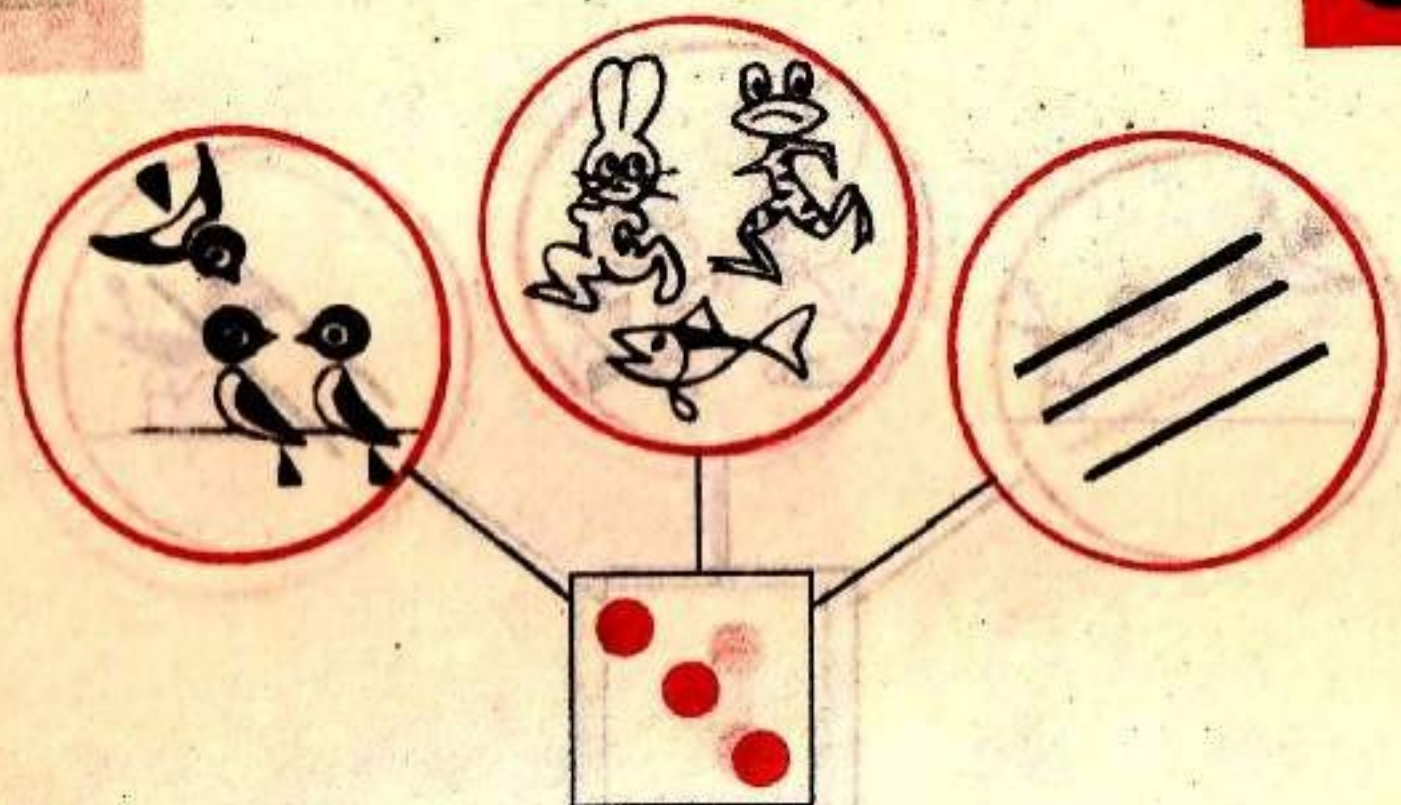
$$1 + 1 = 2$$

$$1 + 1 =$$

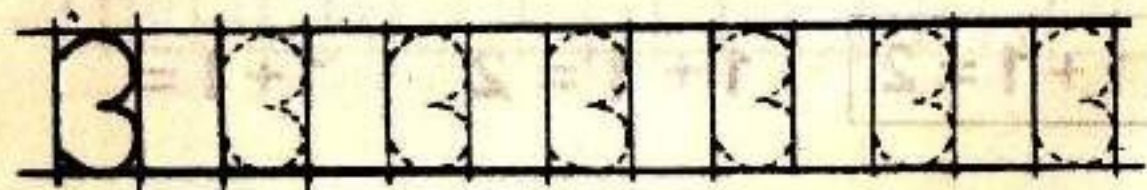
CÁCH DẠY

- Đã có 1 (chim đậu, thỏ bông, que tính) - thêm 1 thành 2 .
- Giới thiệu mặt xúc xắc biểu diễn số và chữ số 2.
- Tập viết : 2.
- Giới thiệu : "1 thêm 1 thành 2", "1 cộng 1 bằng 2" và cách viết "1 + 1 = 2".

3



3



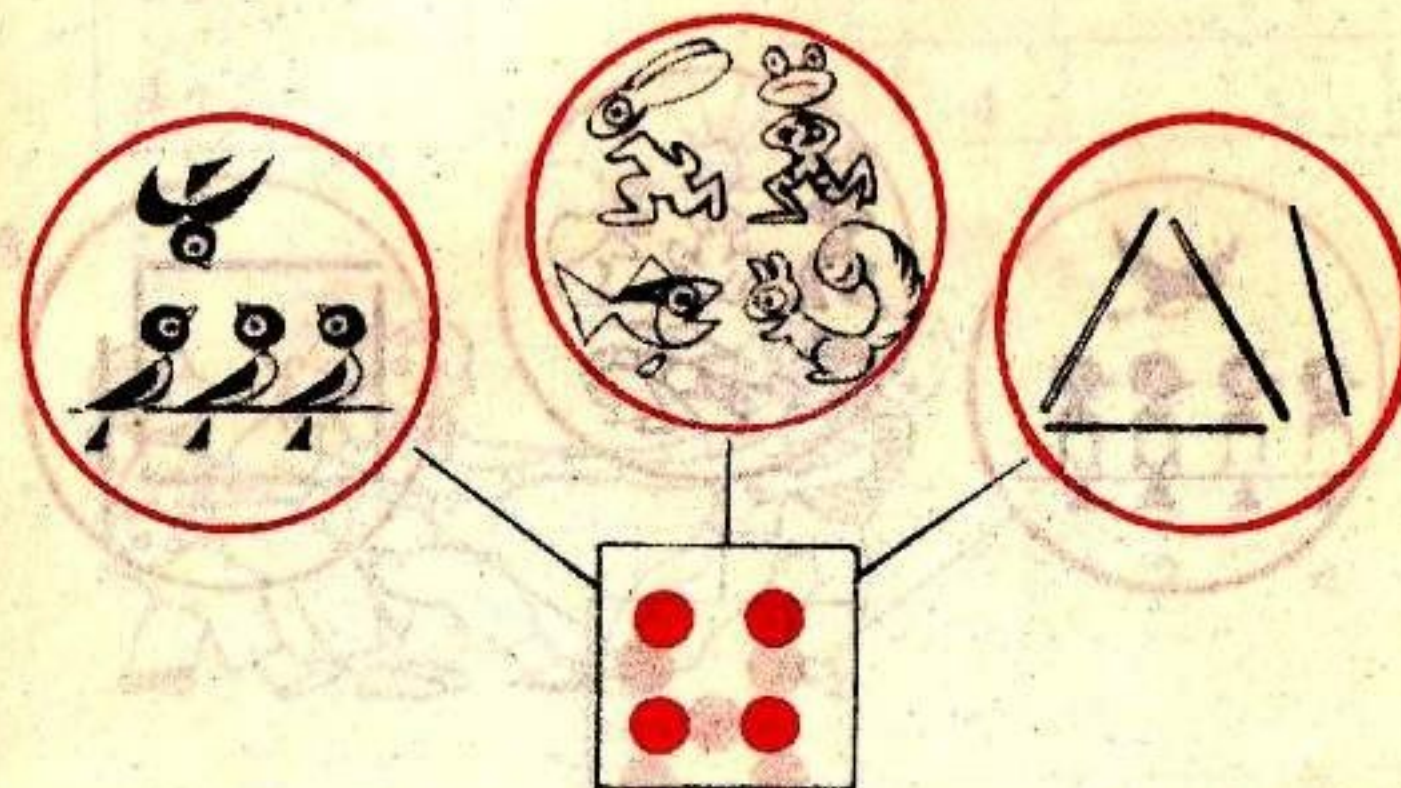
$$2 + 1 = 3$$

$$2 + 1 = 3$$

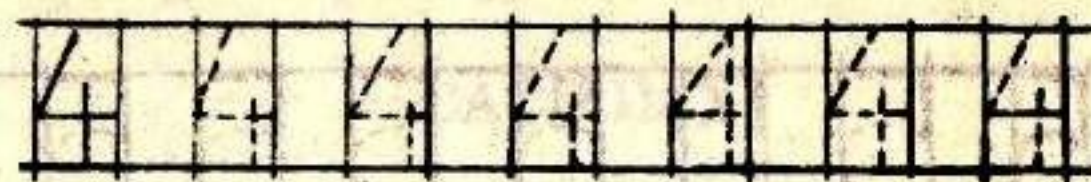
$$2 + 1 =$$

Cách dạy số 3, 4, 5 như dạy số 2.

4



4



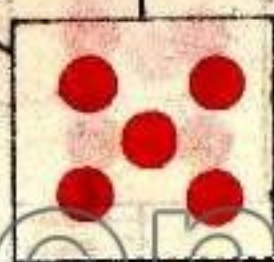
$$3 + 1 = 4$$

$$3 + 1 = 4$$

$$3 + 1 =$$

5

1.



5



$$4 + 1 = 5$$

$$4 + 1 = 5$$

$$4 + 1 =$$

2.

$$1 + 1 =$$

$$2 + 1 =$$

$$3 + 1 =$$

$$4 + 1 =$$

1 2 3 4 5
5 4 3 2 1

1		3		5
---	--	---	--	---

5	4			1
---	---	--	--	---

3.



$$3 > 2$$

$$2 < 3$$

2 > 1	4 > 3	5 > 4
1 < 2	3 < 4	4 < 5
5 > 4	4 > 3	2 > 1
4 < 5	3 < 4	1 < 2

CÁCH DẠY

1 - Như dạy số 2, 3, 4

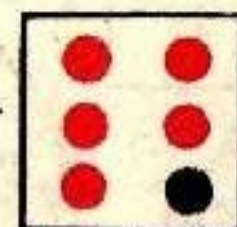
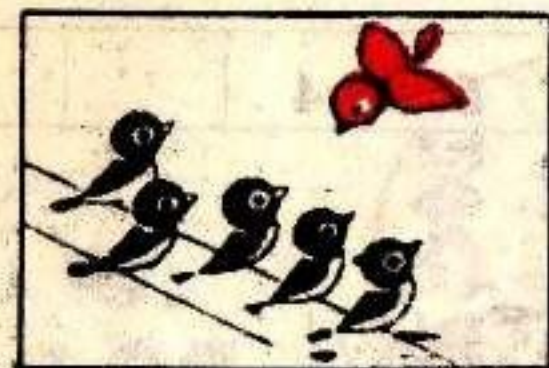
2 - Ôn 4 phép cộng đã học : đọc từng phép tính, HS nói kết quả rồi ghi vào bên phải dấu "="

- Ôn thứ tự các số từ 1 đến 5 : đọc 2 dãy số - điền số nào vào ô trống cho đúng thứ tự trên.

3 - Quan sát tranh vẽ 3 em bé kéo co với 2 em bé. Giới thiệu "3 > 2" là để ghi "3 lớn hơn 2" ; dấu ">" đọc là lớn hơn.

6

1.



$$5 + 1 = 6$$



6 6 6 6 6 6 6

2.



$$6 - 1 = 5$$



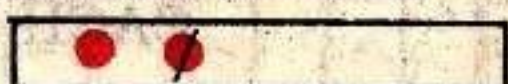
$$5 - 1 = 4$$



$$4 - 1 = 3$$



$$3 - 1 = 2$$



$$2 - 1 = 1$$

3.



1



$$1 - 1 = 0$$

0 0 0 0 0 0 0

0	1		3		5
6		4		2	

4.

$$5 + 1 =$$

$$4 + 1 =$$

$$3 + 1 =$$

$$6 - 1 =$$

$$5 - 1 =$$

$$4 - 1 =$$

$$2 + 1 =$$

$$1 + 1 =$$

$$1 - 1 =$$

$$3 - 1 =$$

$$2 - 1 =$$

$$0 + 1 =$$

5.

$$5 + 1 =$$

$$0 + 1 =$$

$$6 - 1 =$$

$$1 - 1 =$$

$$5 < 6$$

$$0 < 1$$

$$6 > 5$$

$$1 > 0$$

$$1 > 0$$

$$4 < 5$$

$$6 > 5$$

$$0 < 1$$

$$5 > 4$$

$$5 < 6$$

CÁCH DẠY

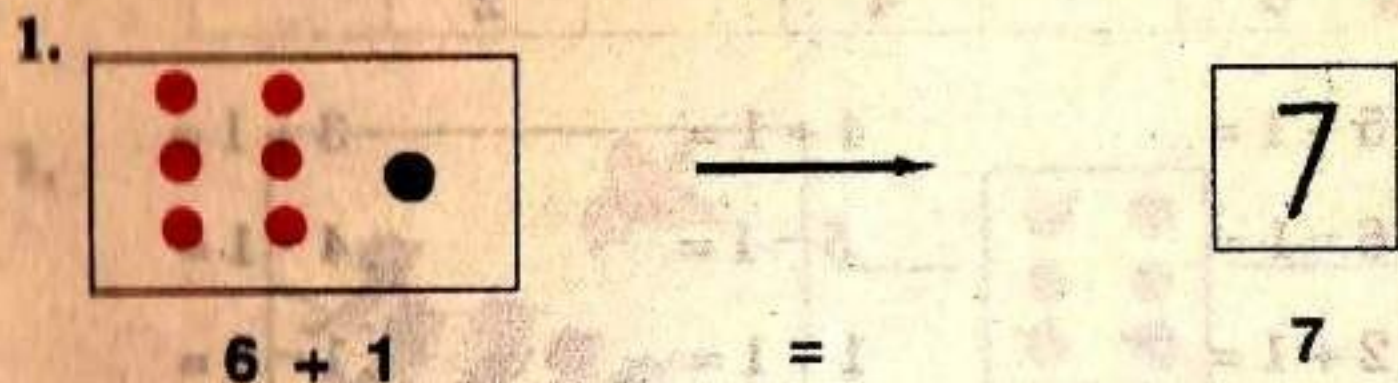
1 - Tương tự dạy số 4, 5

2 - Giới thiệu hình vẽ chim đậu và bay - Rút kết luận : "Lúc đầu có 6 con chim - Có 1 con bay đi - Còn lại 5 con - Ta nói : 6 bớt 1 còn 5 hoặc 6 trừ 1 bằng 5 - Ta viết $6 - 1 = 5$ "
Tương tự với : $5 - 1 = 4, \dots 2 - 1 = 1$

3 - Dạy tương tự như trên dẫn tới "1 trừ 1 thì hết, không còn gì". Số "không" viết là 0

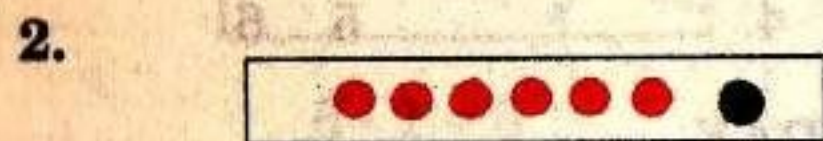
4,5- Dạy tương tự các bài trước

7



7 7 7 7 7 7 7 7

0	2	4	6
7	5	3	1



$$7 - 1 = 6$$

$$6 + 1 = 7$$

$$7 > 6$$

$$6 < 7$$

$$6 + 1 =$$

$$5 + 1 =$$

$$0 + 1 =$$

$$7 - 1 =$$

$$6 - 1 =$$

$$1 - 1 =$$

$$6 < 7$$

$$5 < 6$$

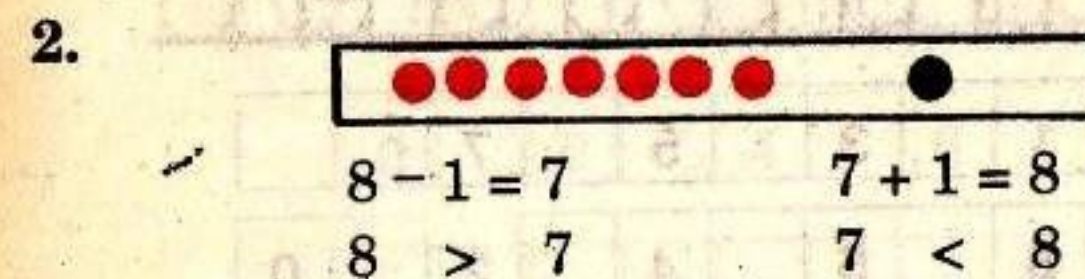
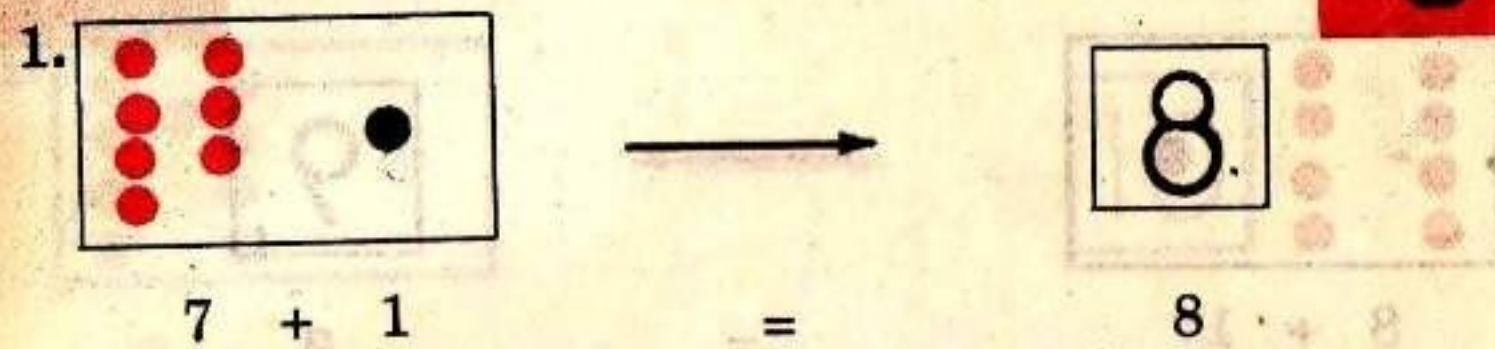
$$0 < 1$$

$$7 > 6$$

$$6 > 5$$

$$1 > 0$$

8



$$7 + 1 =$$

$$6 + 1 =$$

$$0 + 1 =$$

$$8 - 1 =$$

$$7 - 1 =$$

$$1 - 1 =$$



$$8$$

$$7 - 7 =$$

$$6 - 6 =$$

$$5 - 5 =$$

$$4 - 4 =$$

$$8 - 8 = 0$$

$$3 - 3 =$$

$$2 - 2 =$$

CÁCH DẠY

1 và 2 : Như các bài trước

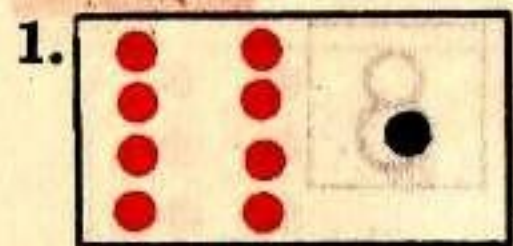
3. Giới thiệu hình vẽ, dẫn tới kết luận :

"Lúc đầu trên cành có 8 con chim đậu - Khi cả 8 con đều bay đi thì trên cành không còn con nào - Ta có 8 trừ 8 thì hết - Ta viết : $8 - 8 = 0$ "

8V/pcgH

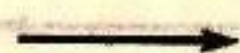
THƯ VIỆN TƯ LIỆU

9



1.

$$8 + 1$$



9

=



0	1	3	5	7		
---	---	---	---	---	--	--

	8	6	4	2	0
--	---	---	---	---	---

2.



$$9 - 1 = 8$$

$$9 > 8$$

$$8 + 1 = 9$$

$$8 < 9$$

$$8 + 1 =$$

$$9 - 1 =$$

$$9 - 9 =$$

$$7 + 1 =$$

$$8 - 1 =$$

$$8 - 8 =$$

$$6 + 1 =$$

$$7 - 1 =$$

$$7 - 7 =$$

$$9 > 8$$

$$8 < 9$$

$$7 < 8$$

$$8 > 7$$

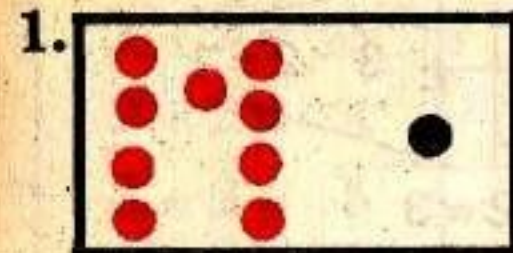
$$7 > 6$$

$$6 < 7$$

CÁCH DẠY

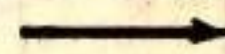
Tương tự các bài trước

10



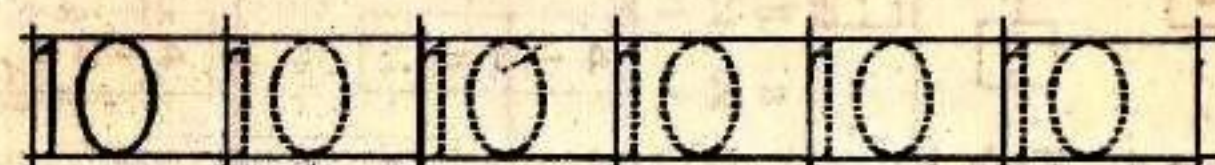
1.

$$9 + 1$$



10

=



0	2	4	6	8		
---	---	---	---	---	--	--

	9	7	5	3	1	
--	---	---	---	---	---	--

2.



$$10 - 1 = 9$$

$$10 > 9$$

$$9 + 1 = 10$$

$$9 < 10$$

$$9 + 1 =$$

$$10 - 1 =$$

$$10 - 10 =$$

$$8 + 1 =$$

$$9 - 1 =$$

$$9 - 9 =$$

$$5 + 1 =$$

$$6 - 1 =$$

$$6 - 6 =$$

$$10 > 9$$

$$9 < 10$$

$$8 < 9$$

$$9 > 8$$

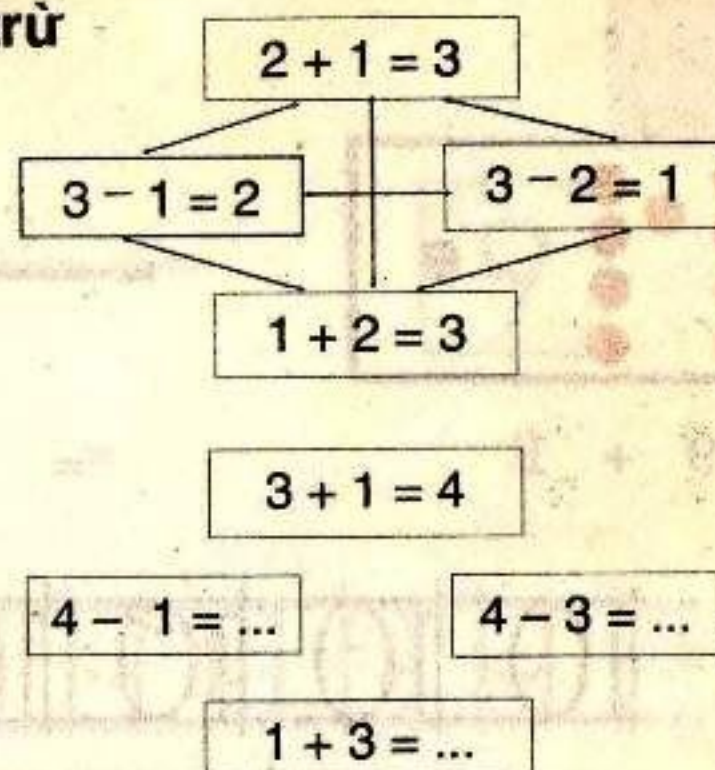
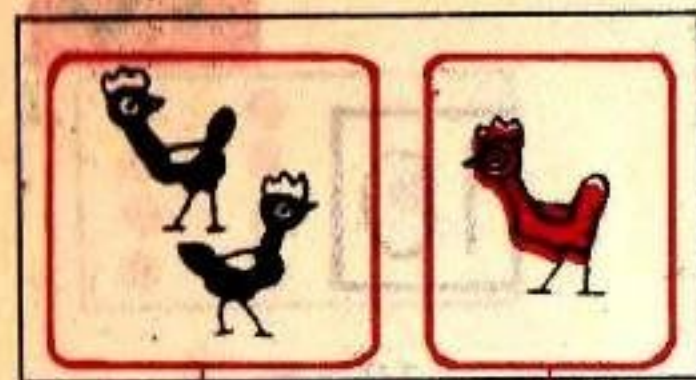
$$5 < 6$$

$$6 > 5$$

- Giới thiệu "số mười" được viết bằng chữ số 1 và chữ số 0 (ở bên phải 1).

CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1. Quan hệ giữa cộng và trừ



2. Cộng 1. Trừ 1

$0 + 1 = 1$
$1 + 1 = 2$
$2 + 1 = 3$
$3 + 1 = 4$
$4 + 1 = 5$
$5 + 1 = 6$
$6 + 1 = 7$
$7 + 1 = 8$
$8 + 1 = 9$
$9 + 1 = 10$

$1 - 1 = 0$
$2 - 1 = 1$
$3 - 1 = 2$
$4 - 1 = 3$
$5 - 1 = 4$
$6 - 1 = 5$
$7 - 1 = 6$
$8 - 1 = 7$
$9 - 1 = 8$
$10 - 1 = 9$

$3 + 1$
$2 + 1$
$5 + 1$
$0 + 1$
$8 + 1$
$9 - 1$
$7 - 1$
$1 - 1$
$4 - 1$
$10 - 1$

CÁCH DẠY

1. - Dựa vào hình vẽ, giảng: "Gộp 1 con gà nâu vào 2 con gà đen:

$2 + 1 = 3$. Gộp 2 con gà đen vào 1 con gà nâu: $1 + 2 = 3$

Kết quả như nhau: 3 con gà

- Tất cả có 3 con gà, bớt đi 1 con nâu, còn 2 con đen: $3 - 1 = 2$.

Bớt đi 2 con đen, còn 1 con nâu: $3 - 2 = 1$ "

3. Cộng 2. Trừ 2

$0 + 2 = 2$
$1 + 2 = 3$
$2 + 2 = 4$
$3 + 2 = 5$
$4 + 2 = 6$
$5 + 2 = 7$
$6 + 2 = 8$
$7 + 2 = 9$
$8 + 2 = 10$

$2 - 2 = 0$
$3 - 2 = 1$
$4 - 2 = 2$
$5 - 2 = 3$
$6 - 2 = 4$
$7 - 2 = 5$
$8 - 2 = 6$
$9 - 2 = 7$
$10 - 2 = 8$

$1 + 2$
$4 + 2$
$0 + 2$
$8 + 2$
$3 + 2$
$2 - 2$
$7 - 2$
$10 - 2$
$5 - 2$

4.

$5 + 1$
$1 + 5$
$6 - 1$
$6 - 5$
$3 + 2$
$2 + 3$
$5 - 2$
$5 - 3$

$8 + 1$
$1 + 8$
$9 - 1$
$9 - 8$
$6 + 2$
$2 + 6$
$8 - 2$
$8 - 6$

$7 + 1$
$1 + 7$
$8 - 1$
$8 - 7$
$8 + 2$
$2 + 8$
$10 - 2$
$10 - 8$

- Làm tính: $1 + 3$, $4 - 1$, $4 - 3$ dựa vào $3 + 1 = 4$

2.3 - Viết bảng cột 1 và 2 của phép cộng, trừ. Cho HS tìm

kết quả, rồi cho đọc vài lượt. Dặn HS học thuộc.

4 - Làm tính - Tìm kết quả theo bảng, hoặc đếm.

CỘNG 3, 4, 5. TRỪ 3, 4, 5

1. $3 + 1$
 $3 + 2$
 $1 + 3$
 $2 + 3$

$4 + 1$
 $4 + 2$
 $1 + 4$
 $2 + 4$

$5 + 1$
 $5 + 2$
 $1 + 5$
 $2 + 5$

2.



$4 + 3 = 7$



$5 + 4 = 9$

$3 + 4$
 $7 - 4$
 $7 - 3$

$4 + 5$
 $9 - 5$
 $9 - 4$

3. Cộng 3. Trừ 3

$0 + 3 = 3$
 $1 + 3 = 4$
 $2 + 3 = 5$
 $3 + 3 = 6$
 $4 + 3 = 7$
 $5 + 3 = 8$
 $6 + 3 = 9$
 $7 + 3 = 10$

$3 - 3 = 0$
 $4 - 3 = 1$
 $5 - 3 = 2$
 $6 - 3 = 3$
 $7 - 3 = 4$
 $8 - 3 = 5$
 $9 - 3 = 6$
 $10 - 3 = 7$

$1 + 3$
 $4 + 3$
 $0 + 3$
 $7 + 3$
 $5 - 3$
 $6 - 3$
 $9 - 3$
 $3 - 3$

CÁCH DẠY

1 - Cho làm tính theo từng cột - Hai dòng đầu đã học, suy ra 2 dòng sau thuộc bài hôm nay.

2 - Dựa vào hình vẽ, tìm kết quả phép cộng rồi suy ra kết quả các phép tính còn lại.

4. Cộng 4. Trừ 4

$0 + 4 = 4$
 $1 + 4 = 5$
 $2 + 4 = 6$
 $3 + 4 = 7$
 $4 + 4 = 8$
 $5 + 4 = 9$
 $6 + 4 = 10$

$4 - 4 = 0$
 $5 - 4 = 1$
 $6 - 4 = 2$
 $7 - 4 = 3$
 $8 - 4 = 4$
 $9 - 4 = 5$
 $10 - 4 = 6$

$1 + 4$
 $5 + 4$
 $0 + 4$
 $2 + 4$
 $7 - 4$
 $4 - 4$
 $8 - 4$

5. Cộng 5. Trừ 5

$0 + 5 = 5$
 $1 + 5 = 6$
 $2 + 5 = 7$
 $3 + 5 = 8$
 $4 + 5 = 9$
 $5 + 5 = 10$

$5 - 5 = 0$
 $6 - 5 = 1$
 $7 - 5 = 2$
 $8 - 5 = 3$
 $9 - 5 = 4$
 $10 - 5 = 5$

$2 + 5$
 $0 + 5$
 $5 + 5$
 $10 - 5$
 $8 - 5$
 $7 - 5$
 $5 + 5$
 $10 - 5$
 $4 + 5$
 $9 - 4$
 $9 - 5$

6.

$4 + 4$
 $8 - 4$
 $6 + 4$
 $10 - 4$
 $10 - 6$

$3 + 3$
 $6 - 3$
 $6 + 3$
 $9 - 3$
 $9 - 6$

3.4.5 - Dựa vào bài 1, 2, lập các bảng cộng trừ 3, 4, 5. Tương tự dạy bảng cộng 2, trừ 2. Cho HS đọc vài lượt rồi cho làm tính.

6 - Cho tính theo từng cột. Chú ý quan hệ giữa các phép cộng và trừ để tìm kết quả.

CỘNG 6, 7, 8, 9. TRỪ 6, 7, 8, 9

1. Cộng 6. Trừ 6

$6 + 1$	$1 + 6$	$7 - 1$	$7 - 6$
$6 + 2$	$2 + 6$	$8 - 2$	$8 - 6$
$6 + 3$	$3 + 6$	$9 - 3$	$9 - 6$
$6 + 4$	$4 + 6$	$10 - 4$	$10 - 6$

$$\begin{array}{l} 0 + 6 = 6 \\ 1 + 6 = 7 \\ 2 + 6 = 8 \\ 3 + 6 = 9 \\ 4 + 6 = 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 6 - 6 = 0 \\ 7 - 6 = 1 \\ 8 - 6 = 2 \\ 9 - 6 = 3 \\ 10 - 6 = 4 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 6 + 3 \\ 3 + 6 \\ 9 - 3 \\ 9 - 6 \end{array}$$

2. Cộng 7. Trừ 7

$7 + 1$	$1 + 7$	$8 - 1$	$8 - 7$
$7 + 2$	$2 + 7$	$9 - 2$	$9 - 7$
$7 + 3$	$3 + 7$	$10 - 3$	$10 - 7$

$$\begin{array}{l} 0 + 7 = 7 \\ 1 + 7 = 8 \\ 2 + 7 = 9 \\ 3 + 7 = 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 7 - 7 = 0 \\ 8 - 7 = 1 \\ 9 - 7 = 2 \\ 10 - 7 = 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 7 + 3 \\ 3 + 7 \\ 10 - 3 \\ 10 - 7 \end{array}$$

CÁCH DẠY

1 - Làm 4 phép tính trên từng dòng. Từ phép tính ở cột 1 (đã học) suy ra kết quả 3 phép tính còn lại.

Thí dụ : Từ $6 + 1 = 7$ suy ra $1 + 6 = 7$ và $7 - 1 = 6$, $7 - 6 = 1$.

- Ghi lại thành bảng cộng, trừ. Cho làm bộ 4 phép tính ở bên phải bảng trừ để củng cố.

3. Cộng 8. Trừ 8

$8 + 1$	$1 + 8$	$9 - 1$	$9 - 8$
$8 + 2$	$2 + 8$	$10 - 2$	$10 - 8$

$$\begin{array}{l} 0 + 8 = 8 \\ 1 + 8 = 9 \\ 2 + 8 = 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 8 - 8 = 0 \\ 9 - 8 = 1 \\ 10 - 8 = 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 1 + 8 \\ 9 - 1 \\ 9 - 8 \end{array}$$

4. Cộng 9. Trừ 9

$9 + 1$	$1 + 9$	$10 - 1$	$10 - 9$
---------	---------	----------	----------

$$\begin{array}{l} 0 + 9 = 9 \\ 1 + 9 = 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 9 - 9 = 0 \\ 10 - 9 = 1 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 1 + 9 \\ 10 - 9 \end{array}$$

5.

$6 + 4$	$7 + 2$	$8 + 1$	$9 + 1$
$4 + 6$	$2 + 7$	$1 + 8$	$1 + 9$
$10 - 6$	$9 - 2$	$9 - 1$	$10 - 1$
$10 - 4$	$9 - 7$	$9 - 8$	$10 - 9$

2, 3, 4. Tương tự dạy bài 1.

5. Cho làm bộ 4 phép tính theo từng cột. Chú ý đến quan hệ giữa các phép tính đó.

BẢNG TÍNH CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1.

	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	3	4	5	6	7	8	9	10	
3	4	5	6	7	8	9	10		
4	5	6	7	8	9	10			
5	6	7	8	9	10				
6	7	8	9	10					
7	8	9	10						
8	9	10							
9	10								

Thí dụ:

A) $3 + 5 = ?$ B) $9 - 5 = ?$

$$\begin{array}{r} 5 \\ 3 + \text{---} 8 \\ 3 + 5 = 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ 5 - \text{---} 9 \\ 9 - 5 = 4 \end{array}$$

2. Tính:

$3 + 6$	$3 + 4$	$9 - 3$	$8 - 5$
$4 + 5$	$4 + 6$	$9 - 6$	$8 - 3$
$2 + 7$	$7 + 2$	$7 - 3$	$10 - 2$
$6 + 4$	$5 + 4$	$7 - 6$	$10 - 8$

CÁCH DẠY

1 - Giới thiệu bảng tính và cách dùng bảng để cộng, trừ.

Ví dụ 1: $3 + 5 = ?$

Tìm dòng có số 3 (đỏ) và cột có số 5 (đỏ). Chỗ gặp nhau có số 8 là kết quả: $3 + 5 = 8$

2 - Cho HS thực hành các bài còn lại

ÔN TẬP

1.

0	2	4	6	8	10
9	7	5	3	1	

2.

$\begin{array}{|c|} \hline > \\ \hline < \\ \hline \end{array}$
 ? Mẫu
 $\begin{array}{|c|c|c|} \hline 9 & \square & 10 \\ \hline 9 & < & 10 \\ \hline \end{array}$
 $\begin{array}{|c|c|c|} \hline 10 & \square & 9 \\ \hline 7 & \square & 6 \\ \hline \end{array}$
 $\begin{array}{|c|c|c|} \hline 8 & \square & 7 \\ \hline 5 & \square & 4 \\ \hline \end{array}$
 $\begin{array}{|c|c|c|} \hline 10 & \square & 7 \\ \hline 9 & \square & 5 \\ \hline \end{array}$
 $\begin{array}{|c|c|c|} \hline 3 & \square & 8 \\ \hline 4 & \square & 7 \\ \hline \end{array}$

3.

	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
+1										
-1										

4.

$5 + 3$	$6 + 4$	$7 + 2$	$8 + 0$
$3 + 5$	$4 + 6$	$2 + 7$	$0 + 8$
$8 - 3$	$10 - 4$	$9 - 2$	$8 - 8$
$8 - 5$	$10 - 6$	$9 - 7$	$8 - 0$

Ví dụ 2: $9 - 5 = ?$

Tìm dòng có số 5 ở bên trái. Lăn trên dòng đó tới số 9. Ngược lên trên cùng gặp số 4 là kết quả $9 - 5 = 4$

CÁC SỐ ĐẾN 20

ĐỌC VIẾT SỐ TỪ MƯỜI ĐẾN HAI MƯƠI

1.

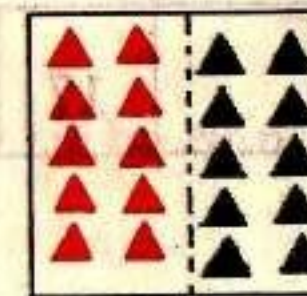
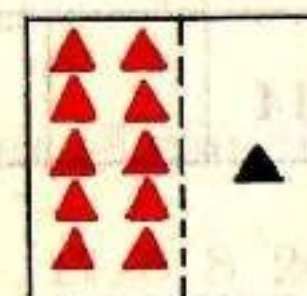
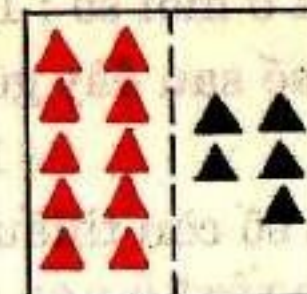
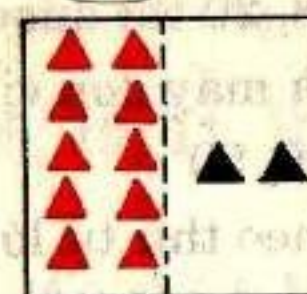
	Đọc số	Viết số
	Mười	10
	Mười một	11
	Mười hai	12
	Mười ba	13
	Mười bốn	14
	Mười lăm	15

CÁCH DẠY

- Đọc các số : 13, 16, 11, 18, 15, 17, 14, 12, 19, 10, 20.
- Viết các số : mười hai, hai mươi, mười bốn, mười một, mười bảy, mười lăm, mười chín, mười sáu.

	Đọc số	Viết số
	Mười sáu	16
	Mười bảy	17
	Mười tám	18
	Mười chín	19
	Hai mươi	20

2. Có bao nhiêu hình tam giác trong mỗi hình dưới đây :



CHỤC VÀ ĐƠN VỊ

Số gồm có	Đọc số	Viết số	Chục	Đơn vị
1 chục và 0 đơn vị	Mười	10	1	0
1 chục và 1 đơn vị	Mười một	11	1	1
1 chục và 2 đơn vị	Mười hai	12	1	2
1 chục và 5 đơn vị	Mười lăm	15	1	5
1 chục và 8 đơn vị	Mười tám	18	1	8
2 chục và 0 đơn vị	Hai mươi	20	2	0

Mười tám (18) gồm 1 chục và 8 đơn vị

1. Đọc các số thứ tự từ 10 đến 20
2. Thêm 1 vào mỗi số : 11, 13, 15, 17, 19 thì được số nào ?
3. Bớt 1 ở mỗi số : 10, 12, 14, 16, 18, 20 thì được số nào ?
4. Mỗi số sau đây gồm mấy chục và mấy đơn vị :
13, 17, 19, 11, 10, 20

5. Điền số còn thiếu vào ô trống (theo thứ tự lớn dần hoặc nhỏ dần)

11		13			16		18		20
----	--	----	--	--	----	--	----	--	----

	19		17			14		12	
--	----	--	----	--	--	----	--	----	--

LUYỆN TẬP

Số 12 có hai chữ số : 1 chỉ 1 chục, 2 chỉ 2 đơn vị.
Số 20 có hai chữ số : 2 chỉ 2 chục, 0 chỉ 0 đơn vị.

1. Viết thành số gồm có

1 chục và 5 đơn vị (15)

1 chục và 2 đơn vị, 4 chục và 3 đơn vị, 1 chục và 8 đơn vị, 1 chục và 9 đơn vị, 1 chục và 1 đơn vị, 2 chục và 0 đơn vị.

2. Mỗi số sau đây gồm mấy chục và mấy đơn vị ?

17 (gồm 1 chục và 7 đơn vị)

13, 14, 16, 11, 10, 20

3. Mỗi số sau đây gồm mấy chữ số ? Chữ số nào chỉ chục, chữ số nào chỉ đơn vị ?

12, 15, 18, 19, 11, 10, 20

4. Điền dấu thích hợp ($<$, $=$, $>$) vào ô trống :

17	☐	12		11	☐	19
12	☐	17		20	☐	20
15	☐	15		19	☐	16

5. Xếp các số sau đây theo thứ tự từ bé đến lớn :

9, 12, 15, 17, 0, 8, 20, 10

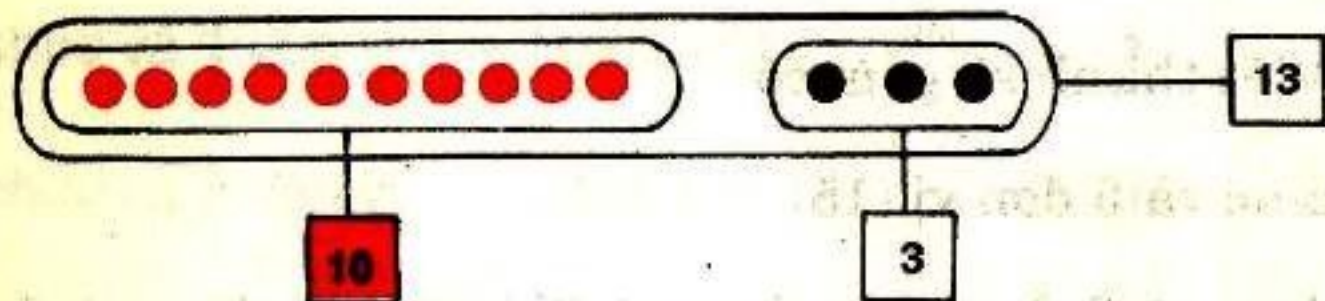
CỘNG VÀ TRỪ TRONG PHẠM VI 20

$10 + 3$

$3 + 10$

$13 - 3$

$13 - 10$



$10 + 3 = 13$	$3 + 10 = 13$	$13 - 3 = 10$	$13 - 10 = 3$
$\begin{array}{r} 10 \\ + 3 \\ \hline 13 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 10 \\ \hline 13 \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 3 \\ \hline 10 \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 10 \\ \hline 3 \end{array}$

1.
$$\begin{array}{r} 10 + 5 \\ + 10 \\ \hline 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 + 10 \\ + 4 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 - 5 \\ - 5 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 - 10 \\ - 10 \\ \hline 5 \end{array}$$

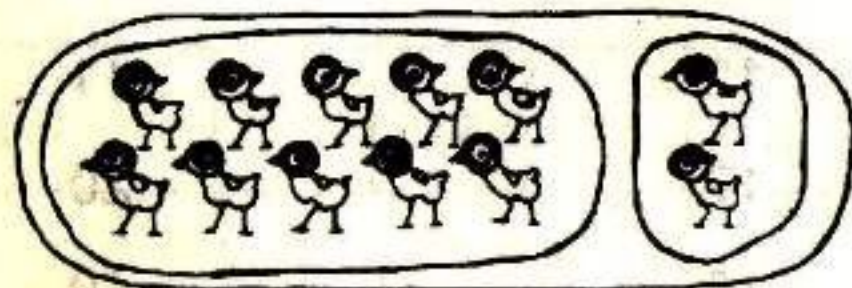
$$\begin{array}{r} 10 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 10 \\ \hline \end{array}$$

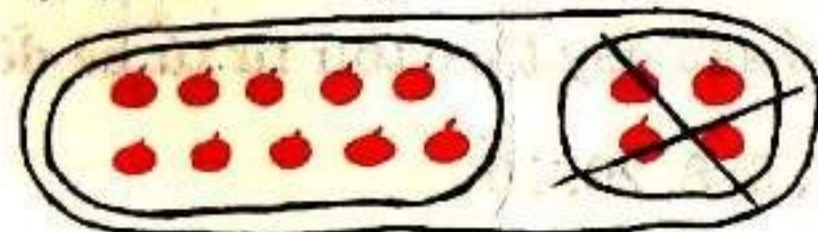
$$\begin{array}{r} 18 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ - 10 \\ \hline \end{array}$$

2. Có 10 con gà, thêm 2 con gà là mấy con gà?



3. Có 14 quả mận, ăn hết 4 quả thì còn mấy quả mận?



$14 + 3$

$3 + 14$

$17 - 3$

$17 - 14$



$\begin{array}{r} 14 \\ + 3 \\ \hline 17 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3 \\ + 14 \\ \hline 17 \end{array}$
$\begin{array}{r} 17 \\ - 3 \\ \hline 14 \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 14 \\ \hline 3 \end{array}$

1.
$$\begin{array}{r} 12 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 12 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 15 \\ \hline \end{array}$$

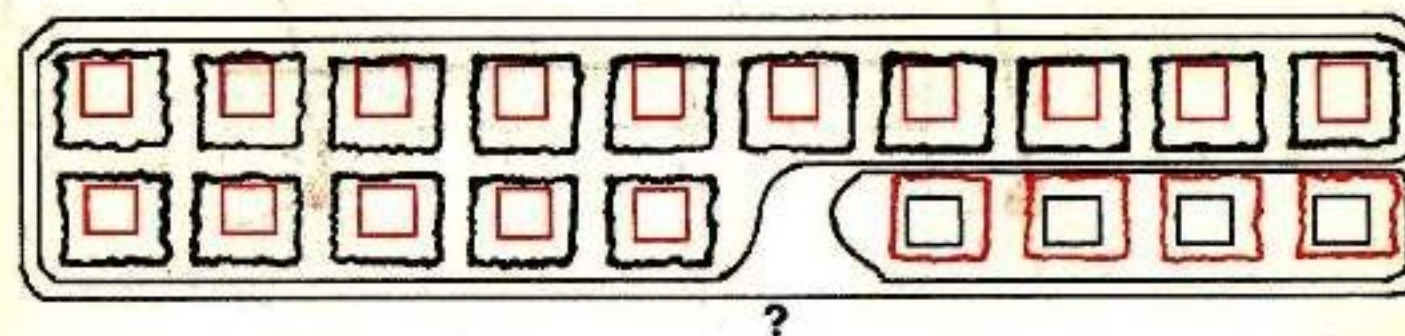
2.
$$\begin{array}{r} 16 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

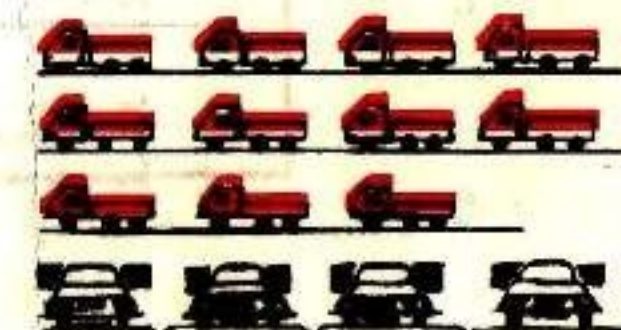
$$\begin{array}{r} 18 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

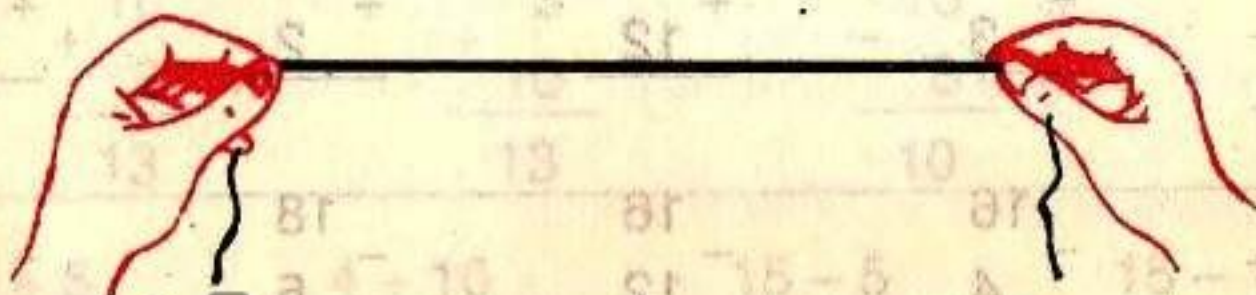
3. An có 15 con tem. Ba có 4 con tem. Cả hai bạn có bao nhiêu con tem?



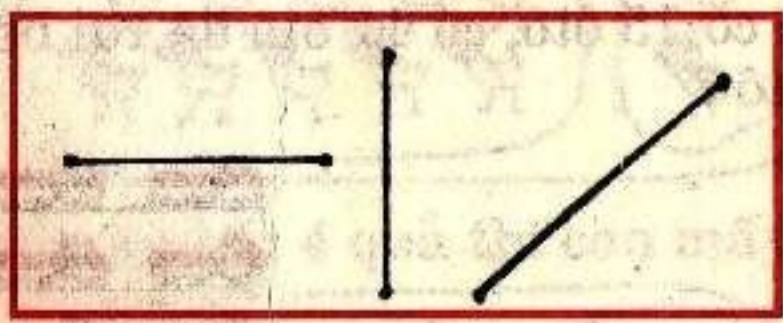
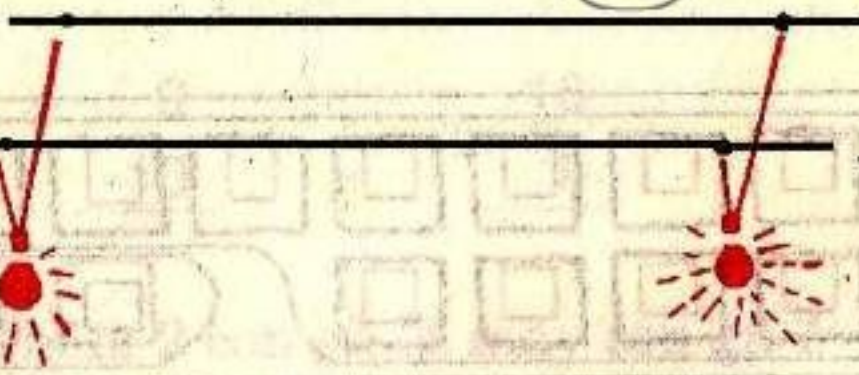
4. Trên bến xe có 15 ô tô, có 11 ô tô đã rời bến. Hỏi trên bến còn lại mấy ô tô?



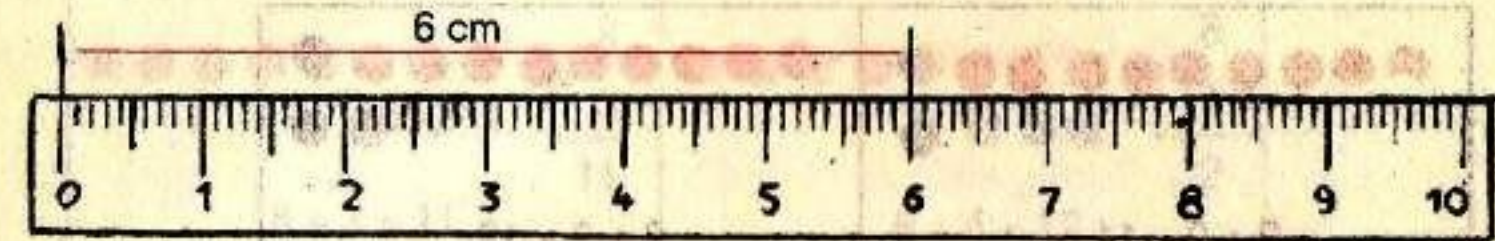
ĐIỂM. ĐOẠN THẲNG



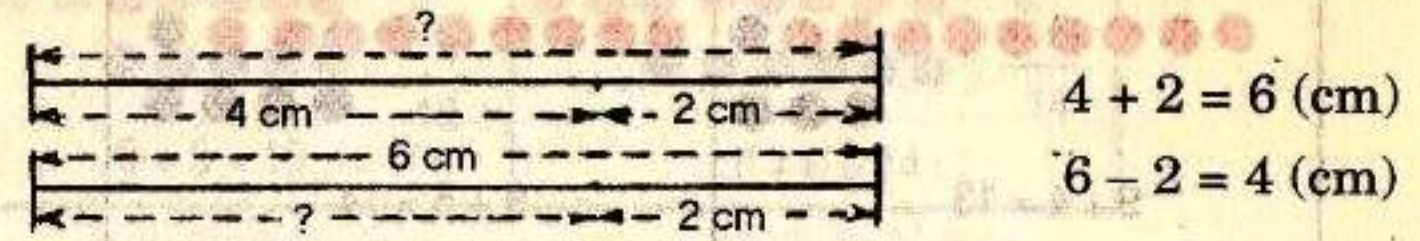
thuongmaitruongxua.vn



XENTIMET



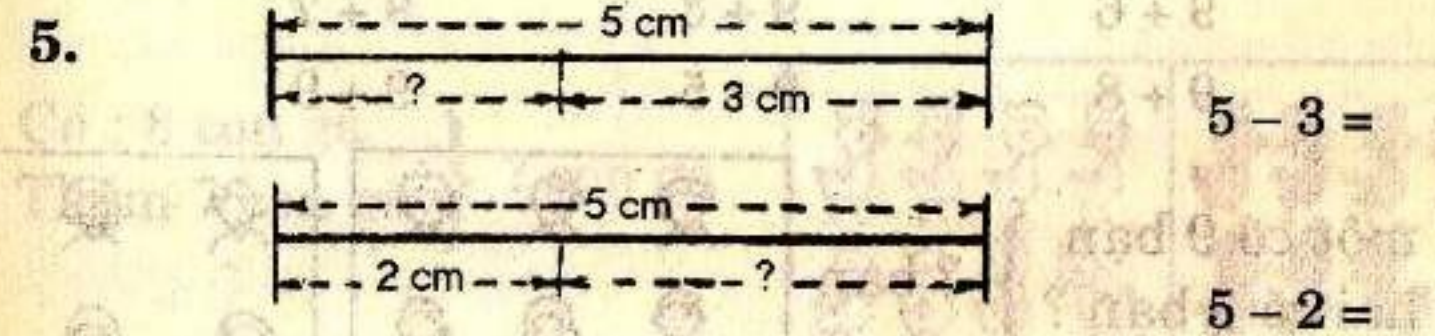
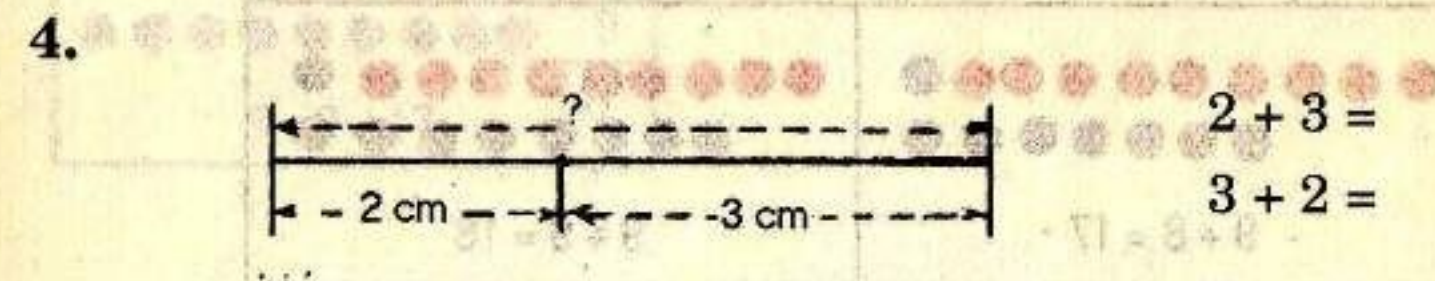
Đọc : đoạn thẳng dài 5 xentimet. Viết : 6cm



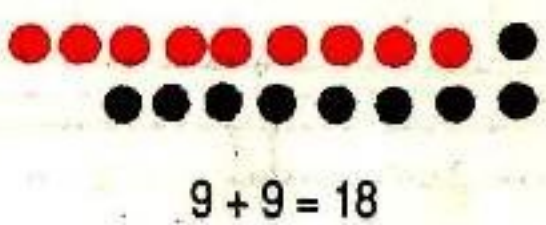
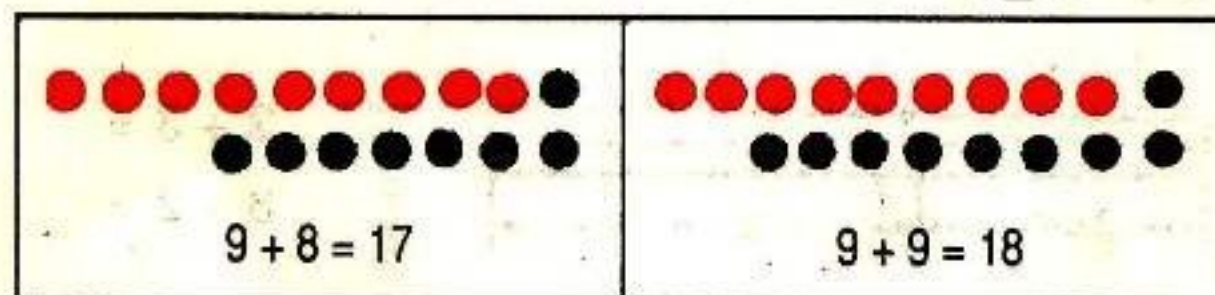
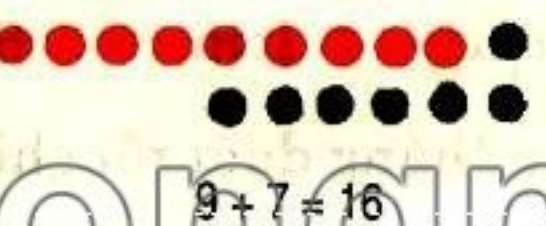
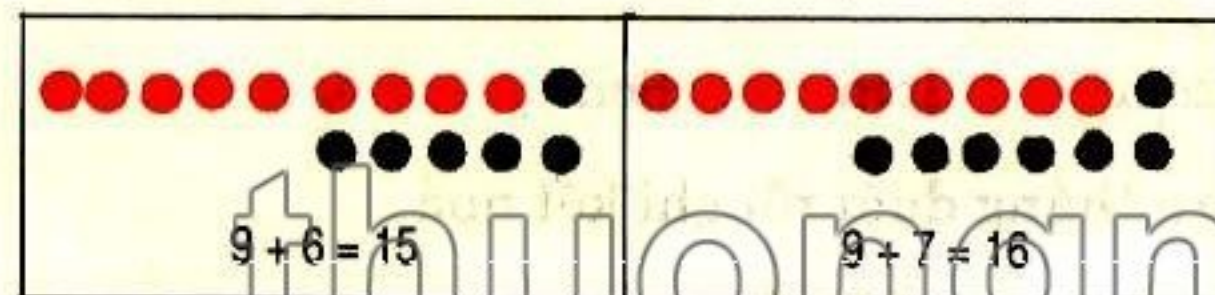
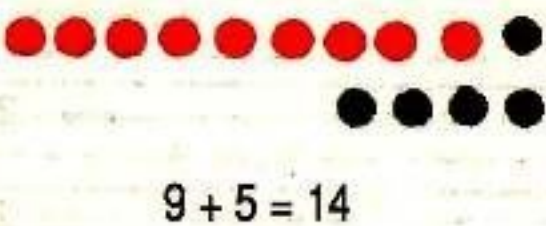
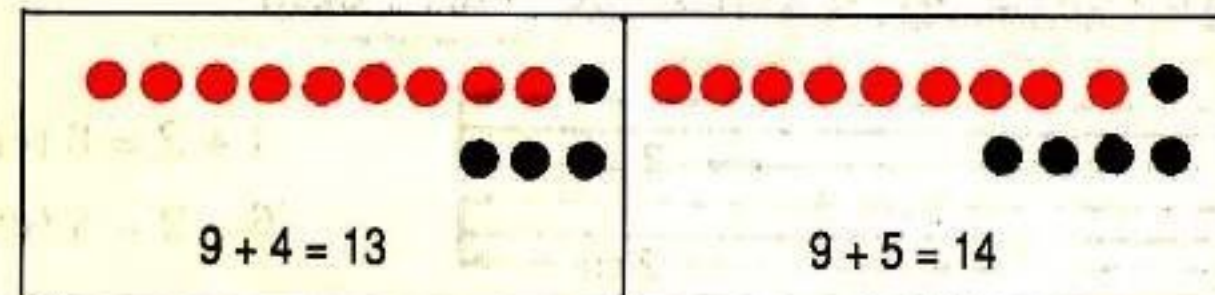
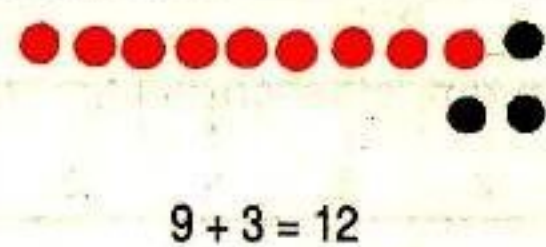
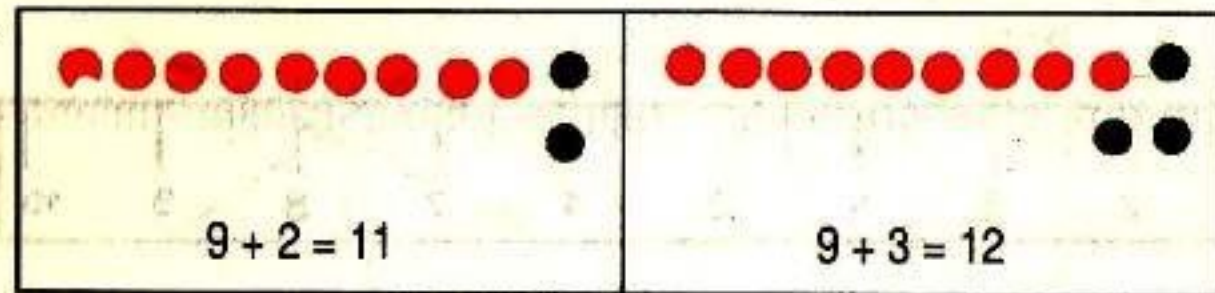
1. Viết : ba xentimet, bốn xentimet, năm xentimet

2. Đọc : 2cm 1cm 6cm

3. Đo đoạn thẳng dưới rồi ghi kết quả.



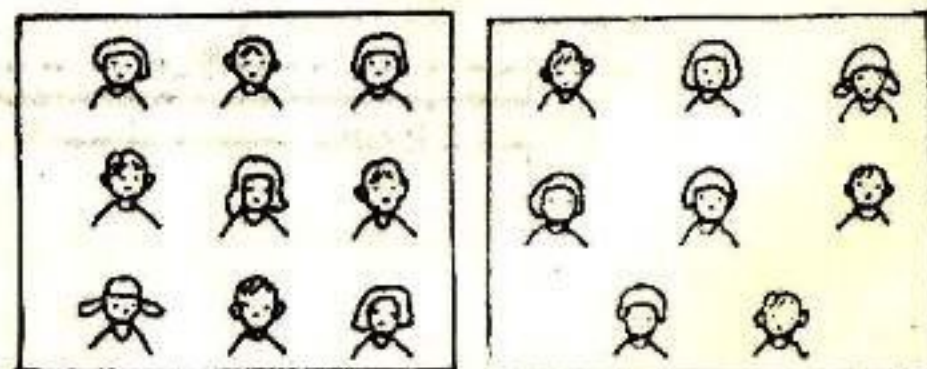
9 CỘNG VỚI MỘT SỐ



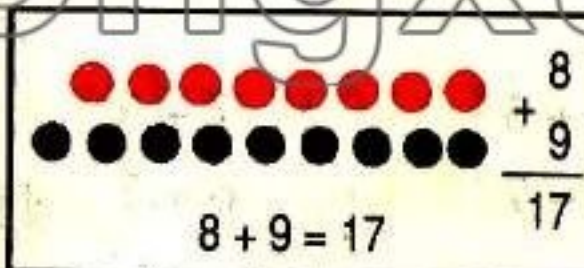
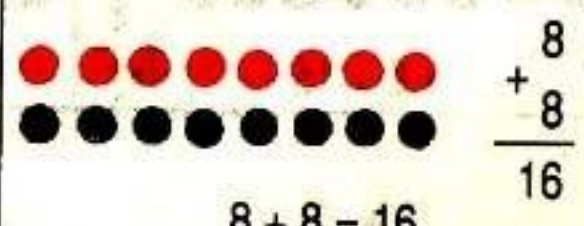
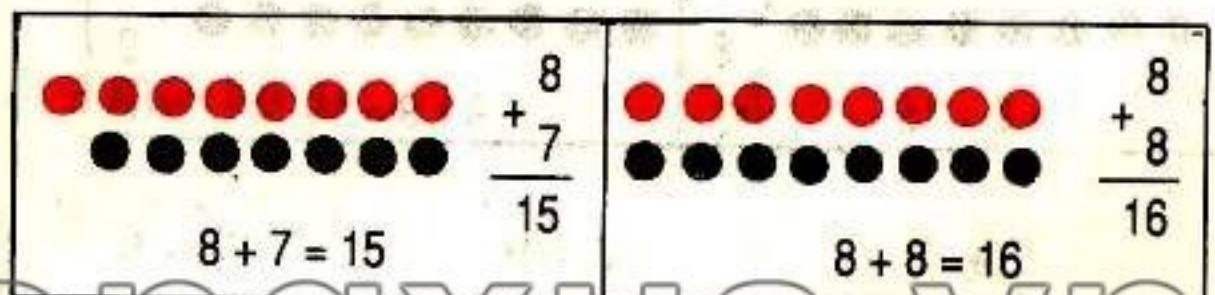
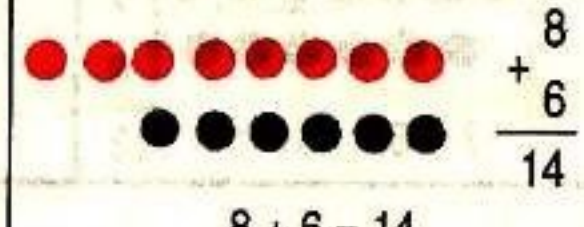
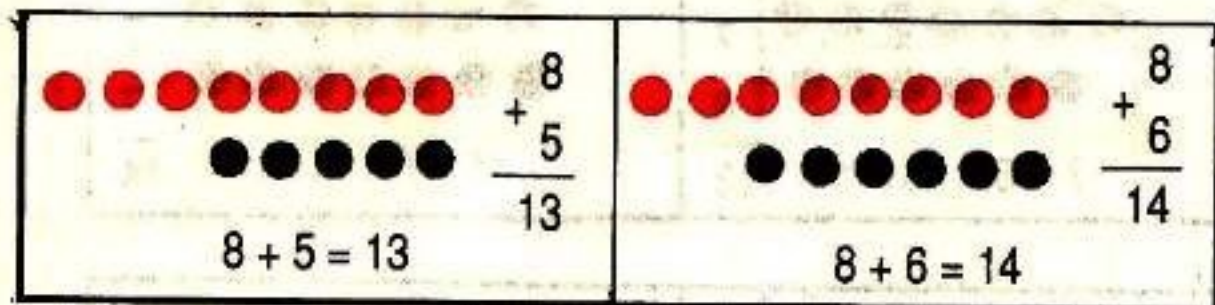
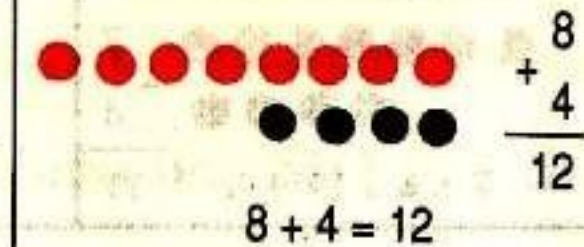
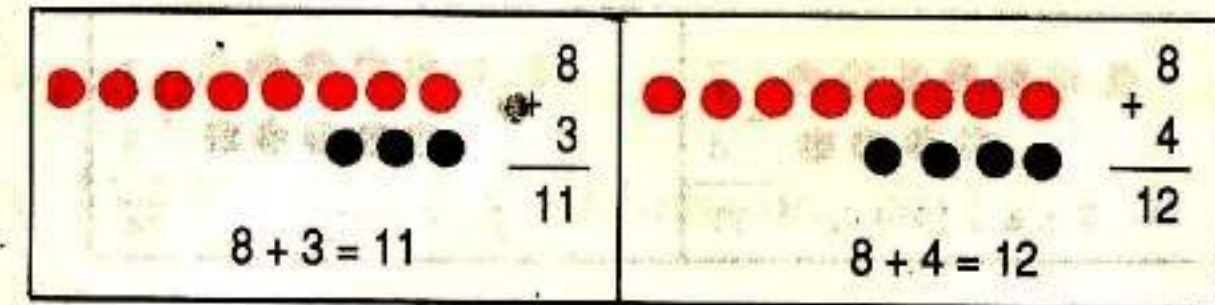
1.

$9 + 2$	$9 + 6$	$9 + 3$	$9 + 7$
$9 + 4$	$9 + 8$	$9 + 5$	$9 + 9$

2. Tổ một có 9 bạn
Tổ hai có 8 bạn ? } ? bạn



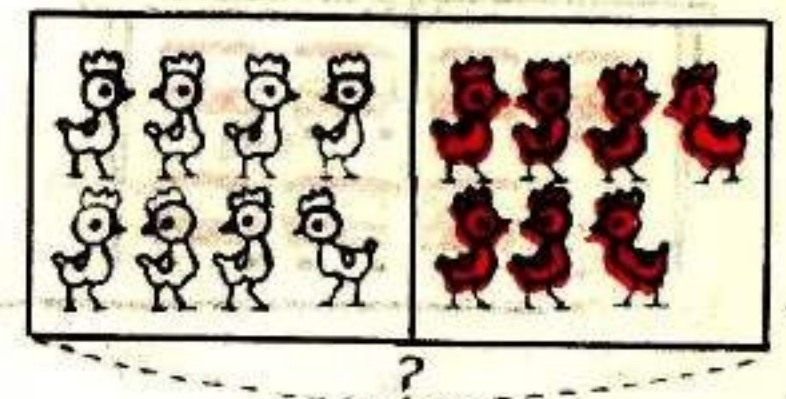
8 CỘNG VỚI MỘT SỐ



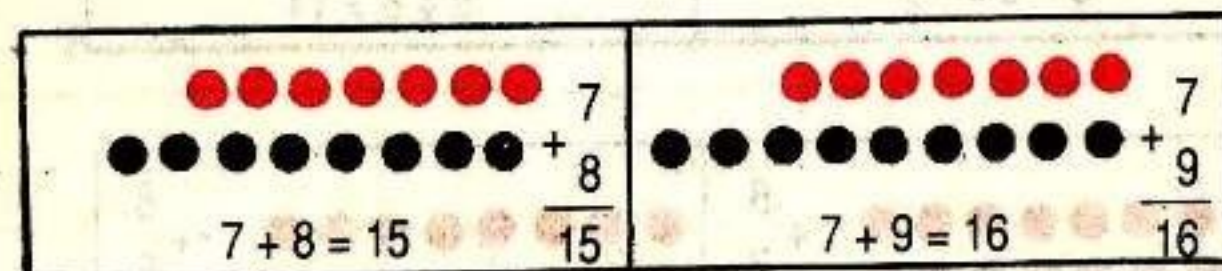
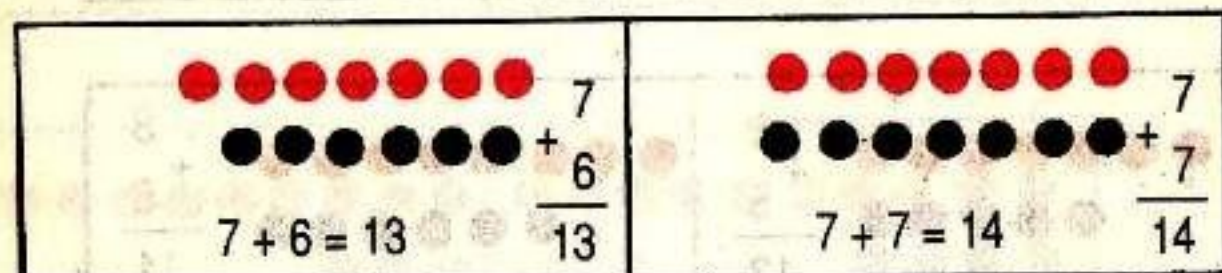
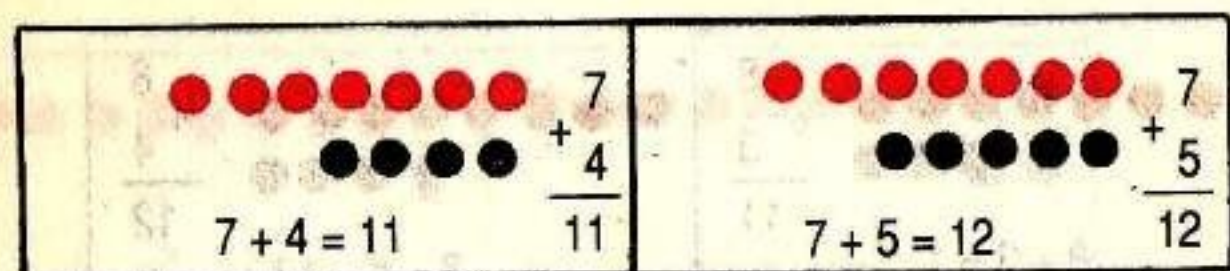
1.

$8 + 5$	$8 + 3$	$8 + 6$	$8 + 9$
$8 + 8$	$8 + 7$	$8 + 4$	$8 + 0$

2. Có : 8 con gà
Thêm 7 con gà } ? con gà



7 CỘNG VỚI MỘT SỐ



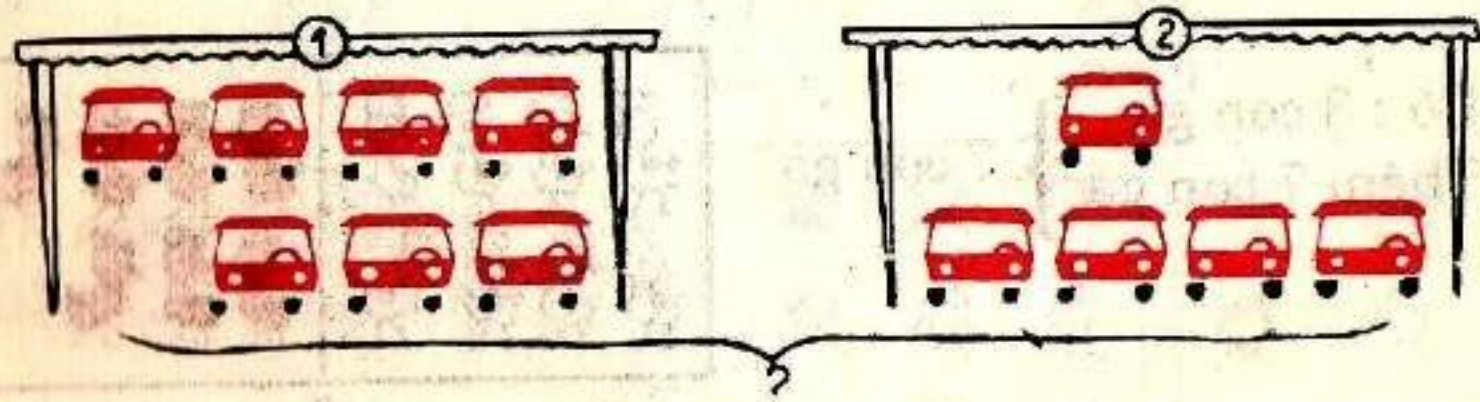
1.

$7 + 4$	$7 + 9$	$7 + 5$
$7 + 7$	$7 + 8$	$7 + 6$

2.

$7 + 4$	$7 + 5$	$7 + 6$
$4 + 7$	$5 + 7$	$6 + 7$

3. Bãi 1 có : 7 ô tô
Bãi 2 có : 5 ô tô } ? ô tô



BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN

Bài toán

Bể 1 có 4 con cá. Bể 2 nhiều hơn bể 1 là 1 con cá.

Bể 2 có mấy con cá ?

Giải

$$4 + 1 = 5 \text{ (con)}$$

1. Bể 1 có : 5 con cá

Bể 2 hơn bể 1 : 3 con cá.

Bể 2 : ? con cá.

2. Anh có : 7 hòn bi

Em có hơn anh : 4 hòn bi

Em có : ? hòn bi

3. An có : 8 con gà

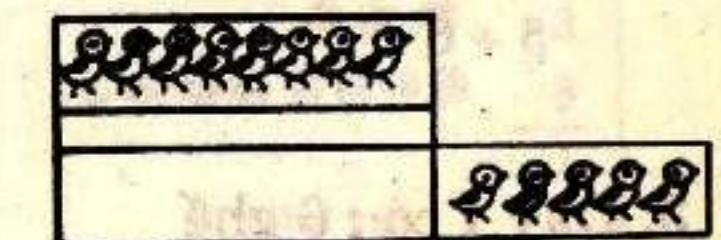
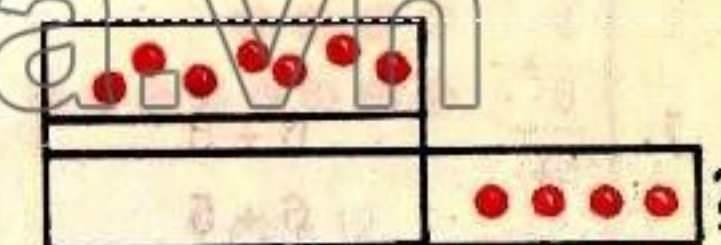
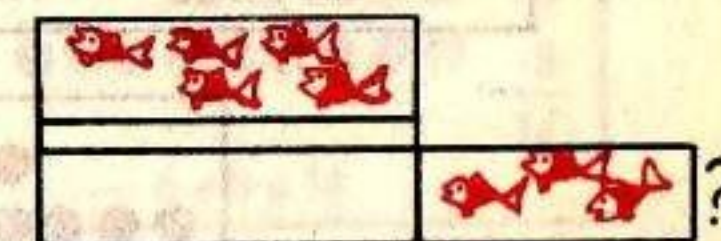
Ba có hơn An : 5 con gà

Ba có : ? con gà

4. Em : 7 tuổi

Anh hơn em : 5 tuổi

Anh mấy tuổi ?



6 CỘNG VỚI MỘT SỐ

 $6 + 5 = 11$	 $6 + 6 = 12$
---	--

 $6 + 7 = 13$	 $6 + 8 = 14$
---	--

 $6 + 9 = 15$

1. $6 + 8$ $6 + 6$ $6 + 7$
 $6 + 5$ $6 + 9$ $6 + 0$

2. $6 + 5$ $6 + 7$ $6 + 8$ $6 + 9$
 $5 + 6$ $7 + 6$ $8 + 6$ $9 + 6$

3. Dây 1 có : 6 ghế
 Dây 2 hơn dây 1 : 5 ghế.
 Dây 2 có : ? ghế

① **AAAAAA**

② **AAAAAA** ?

5, 4, 3, 2 CỘNG VỚI MỘT SỐ

 $5 + 6 = 11$	 $5 + 7 = 12$
---	---

 $5 + 8 = 13$	 $5 + 9 = 14$
---	---

 $4 + 7 = 11$	 $4 + 8 = 12$
---	---

 $4 + 9 = 13$	 $3 + 8 = 11$
---	---

 $3 + 9 = 12$	 $2 + 9 = 11$
---	---

1. $5 + 6$ $5 + 7$ $5 + 8$ $5 + 9$
 $6 + 5$ $7 + 5$ $8 + 5$ $9 + 5$

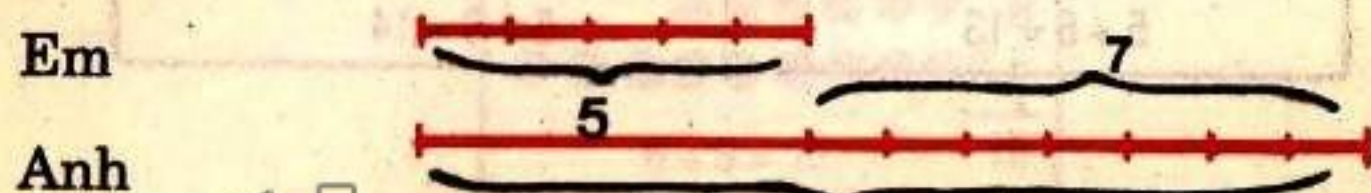
$4 + 7$ $4 + 8$ $4 + 9$ $3 + 8$
 $7 + 4$ $8 + 4$ $9 + 4$ $8 + 3$

$3 + 9$ $2 + 9$
 $9 + 3$ $9 + 2$

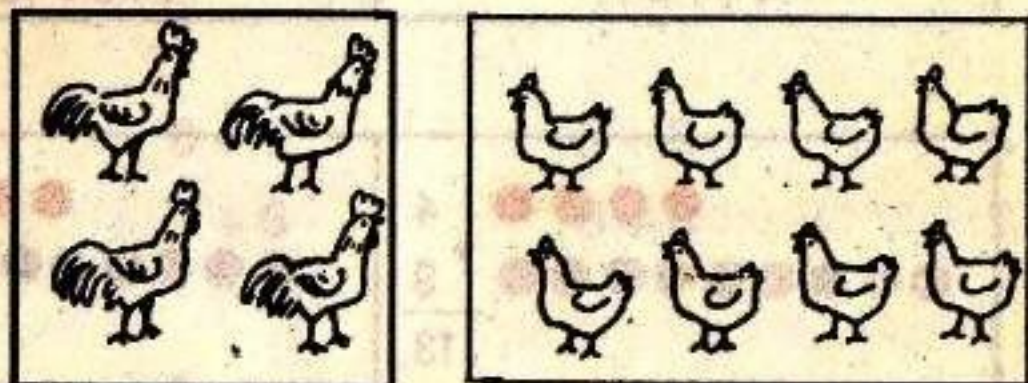
2. Em : 5 tuổi

Anh hơn em : 7 tuổi

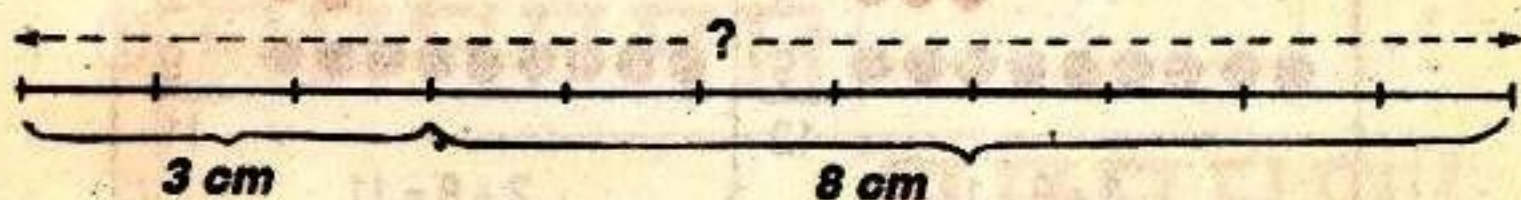
Anh : ? tuổi



3. Có : 4 gà trống
 Có : 8 gà mái } ? con gà



4. Đoạn thẳng 1 dài : 3cm
 Đoạn thẳng 2 dài : 8 cm } Cả 2 đoạn thẳng dài ? xentimet



$17 + 3$

$3 + 17$



$$\begin{array}{r} 17 \\ + 3 \\ \hline 20 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 17 \\ \hline 20 \end{array}$$

1.
$$\begin{array}{r} 12 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ + 12 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 13 \\ \hline \end{array}$$

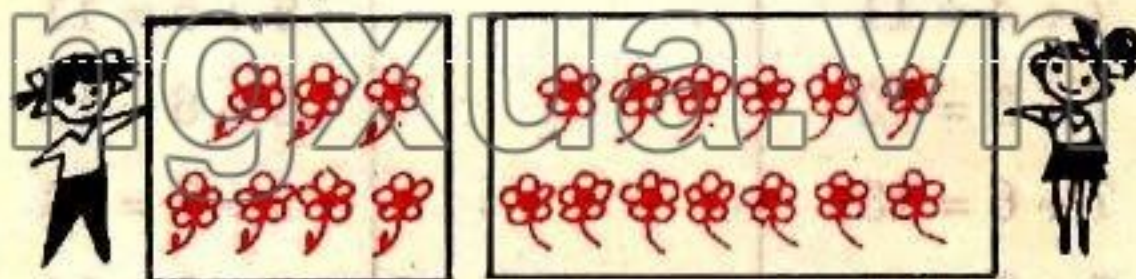
2. $15 + 5$
 $5 + 15$

$14 + 6$
 $6 + 14$

$16 + 4$
 $4 + 16$

$19 + 1$
 $1 + 19$

3. Lan có 7 bông hoa, Nga có 13 bông hoa.
 Cả hai bạn có bao nhiêu bông hoa ?



4. Nhà Tâm có 2 gà mẹ và 18 gà con.
 Hỏi nhà Tâm có bao nhiêu con gà ?



BẢNG CỘNG

$$9 + 2 = 11$$

$$9 + 3 = 12$$

$$9 + 4 = 13$$

$$9 + 5 = 14$$

$$9 + 6 = 15$$

$$9 + 7 = 16$$

$$9 + 8 = 17$$

$$9 + 9 = 18$$

$$8 + 3 = 11$$

$$8 + 4 = 12$$

$$8 + 5 = 13$$

$$8 + 6 = 14$$

$$8 + 7 = 15$$

$$8 + 8 = 16$$

$$8 + 9 = 17$$

$$7 + 4 = 11$$

$$7 + 5 = 12$$

$$7 + 6 = 13$$

$$7 + 7 = 14$$

$$7 + 8 = 15$$

$$7 + 9 = 16$$

$$6 + 5 = 11$$

$$6 + 6 = 12$$

$$6 + 7 = 13$$

$$6 + 8 = 14$$

$$6 + 9 = 15$$

$$5 + 6 = 11$$

$$5 + 7 = 12$$

$$5 + 8 = 13$$

$$5 + 9 = 14$$

$$4 + 7 = 11$$

$$4 + 8 = 12$$

$$4 + 9 = 13$$

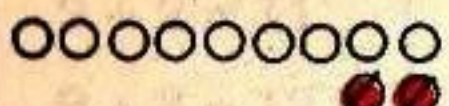
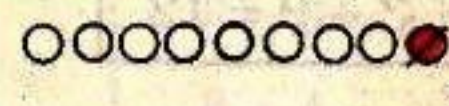
$$3 + 8 = 11$$

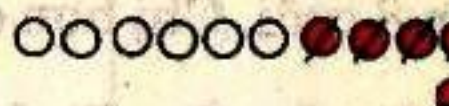
$$3 + 9 = 12$$

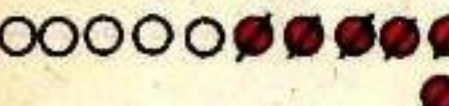
$$2 + 9 = 11$$

1. Một tổ có 8 bạn gái và 4 bạn trai. Hỏi tổ đó có tất cả bao nhiêu bạn ?
2. Em lên 8 tuổi. Chị hơn em 5 tuổi. Hỏi chị bao nhiêu tuổi ?
3. An có 6 quả mận. Bình có nhiều hơn An 6 quả mận. Hỏi Bình có bao nhiêu quả mận ?

11 TRỪ ĐI MỘT SỐ

 $11 - 2 = 9$	$\begin{array}{r} 11 \\ -2 \\ \hline 9 \end{array}$	 $11 - 3 = 8$	$\begin{array}{r} 11 \\ -3 \\ \hline 8 \end{array}$
---	---	--	---

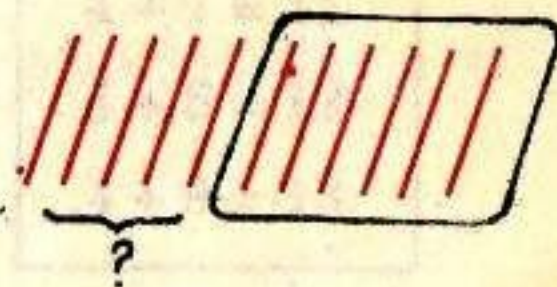
 $11 - 4 = 7$	$\begin{array}{r} 11 \\ -4 \\ \hline 7 \end{array}$	 $11 - 5 = 6$	$\begin{array}{r} 11 \\ -5 \\ \hline 6 \end{array}$
---	---	--	---

 $11 - 6 = 5$	$\begin{array}{r} 11 \\ -6 \\ \hline 5 \end{array}$	 $11 - 7 = 4$	$\begin{array}{r} 11 \\ -7 \\ \hline 4 \end{array}$
---	---	--	---

 $11 - 8 = 3$	$\begin{array}{r} 11 \\ -8 \\ \hline 3 \end{array}$	 $11 - 9 = 2$	$\begin{array}{r} 11 \\ -9 \\ \hline 2 \end{array}$
---	---	--	---

1. $11 - 3$ $11 - 4$ $11 - 8$ $11 - 6$
 $11 - 7$ $11 - 5$ $11 - 2$ $11 - 9$

2. Có 11 que tính
 Bớt 6 que tính
 Còn ? que tính

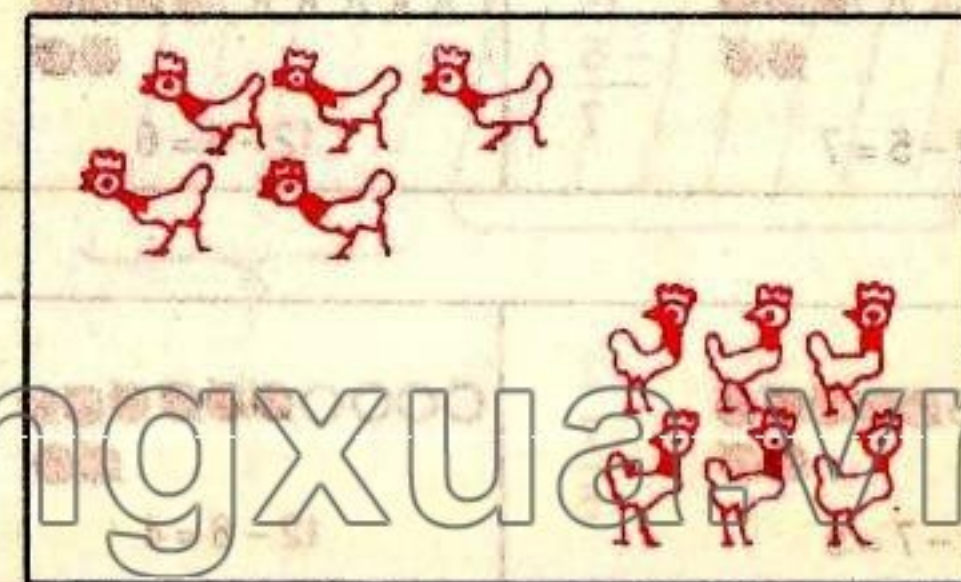


3. Có 11 cái kẹo, ăn hết 3 cái, còn mấy cái kẹo ?

LUYỆN TẬP

1. $11 - 9$ $11 - 7$ $11 - 5$ $11 - 3$
 $11 - 2$ $11 - 4$ $11 - 6$ $11 - 8$

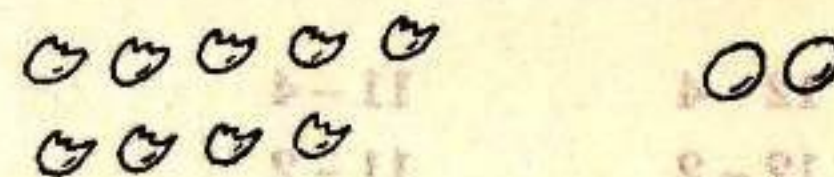
2. Đàn gà có 11 con gà
 Bán 5 con gà
 Còn lại ? con gà



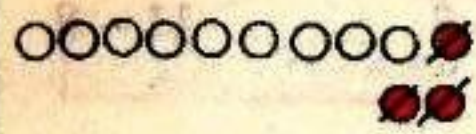
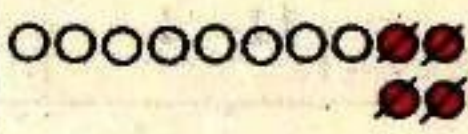
3. Tổ em có 11 bạn, trong đó có 6 bạn gái. Hỏi tổ em có mấy bạn trai ?

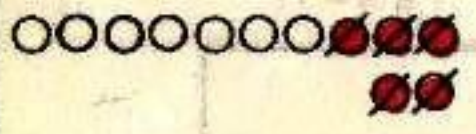


4. Một ổ gà ấp có 11 quả trứng, đã nở 9 quả. Hỏi còn lại mấy quả trứng chưa nở ?

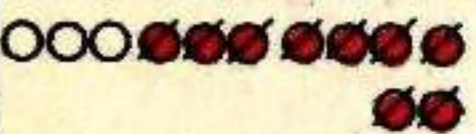


12 TRỪ ĐI MỘT SỐ

 $\begin{array}{r} 12 \\ - 3 \\ \hline 9 \end{array}$ $12 - 3 = 9$	 $\begin{array}{r} 12 \\ - 4 \\ \hline 8 \end{array}$ $12 - 4 = 8$
---	--

 $\begin{array}{r} 12 \\ - 5 \\ \hline 7 \end{array}$ $12 - 5 = 7$	 $\begin{array}{r} 12 \\ - 6 \\ \hline 6 \end{array}$ $12 - 6 = 6$
---	--

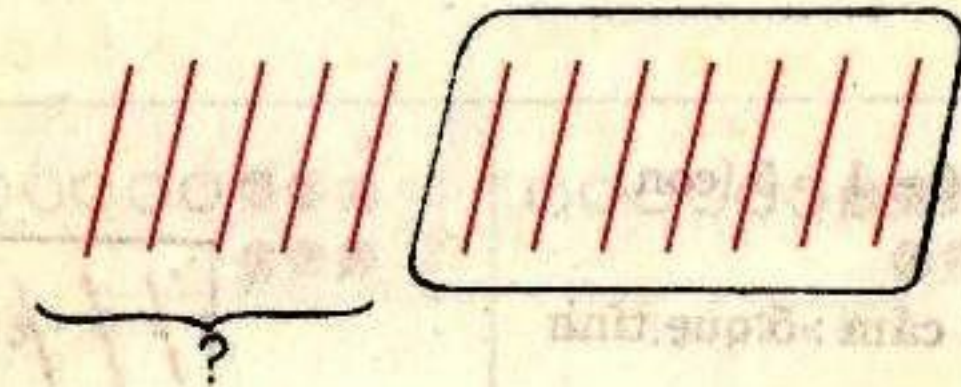
 $\begin{array}{r} 12 \\ - 7 \\ \hline 5 \end{array}$ $12 - 7 = 5$	 $\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline 4 \end{array}$ $12 - 8 = 4$
--	---

 $\begin{array}{r} 12 \\ - 9 \\ \hline 3 \end{array}$ $12 - 9 = 3$

- 1.
- | | | |
|----------|----------|----------|
| $12 - 5$ | $12 - 6$ | $12 - 3$ |
| $12 - 9$ | $12 - 7$ | $12 - 8$ |
| $12 - 4$ | $11 - 4$ | |
| $12 - 2$ | $11 - 2$ | |

- 2.
- | | | |
|----------|----------|----------|
| $7 + 5$ | $3 + 9$ | $8 + 4$ |
| $5 + 7$ | $9 + 3$ | $12 - 4$ |
| $12 - 5$ | $12 - 3$ | $6 + 6$ |
| $12 - 7$ | $12 - 9$ | $12 - 6$ |

3. Có 12 que tính, bớt đi 7 que tính, còn mấy que tính ?



4. Có 12 quả mận, ăn hết 5 quả, còn mấy quả mận ?



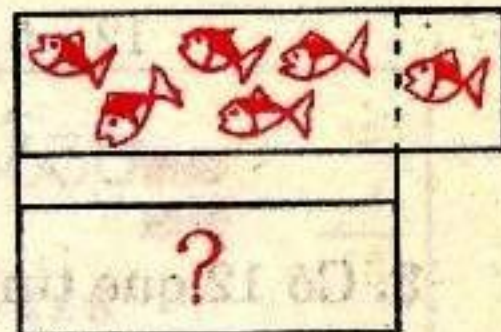
BÀI TOÁN VỀ ÍT HƠN

Bài toán :

Bể 1 có 6 con cá

Bể 2 ít hơn bể 1 là 1 con cá

Hỏi bể 2 có mấy con cá ?



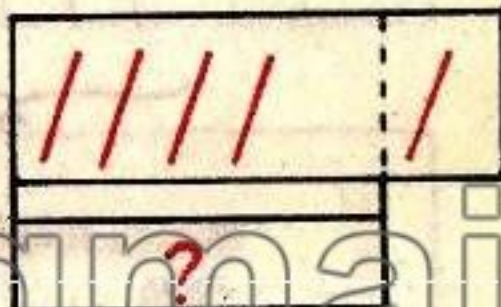
Giải :

$$6 - 1 = 5 \text{ (con)}$$

1. Tay phải cầm : 5 que tính

Tay trái cầm ít hơn tay phải : 1 que tính

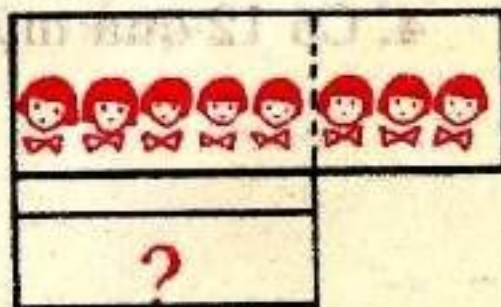
Tay trái cầm : ? que tính



2. Có : 8 bạn gái

Số bạn trai ít hơn số bạn gái : 3 bạn

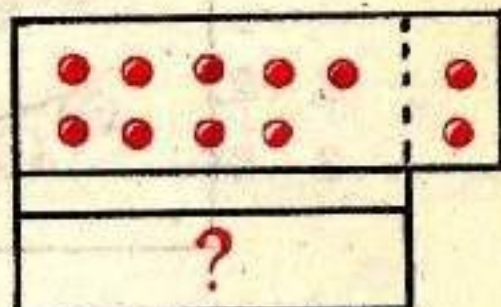
Số bạn trai ?



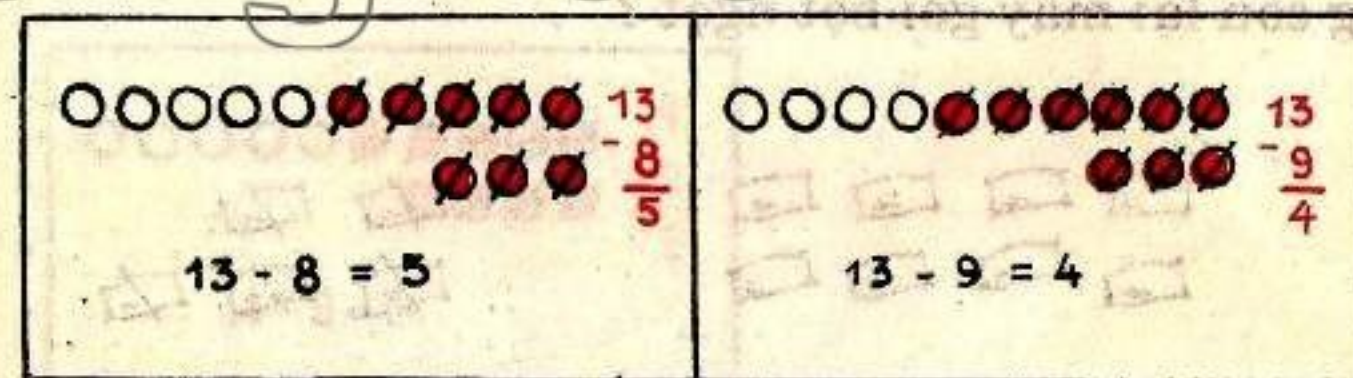
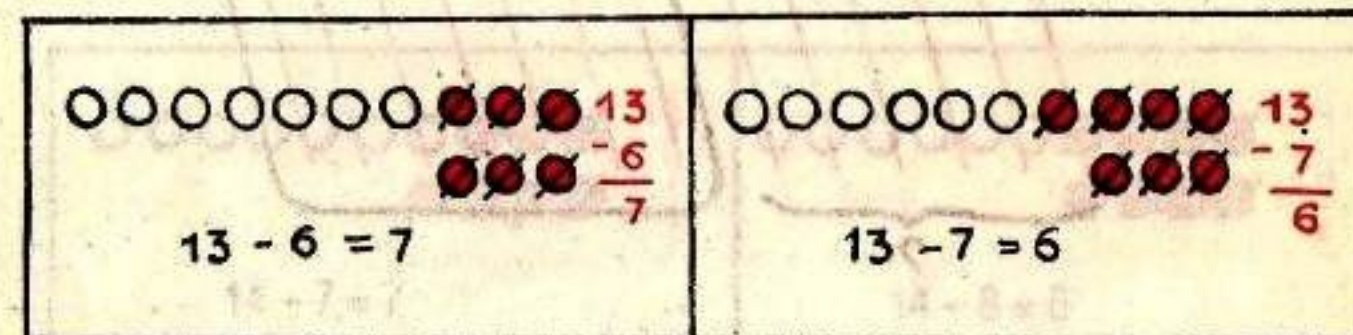
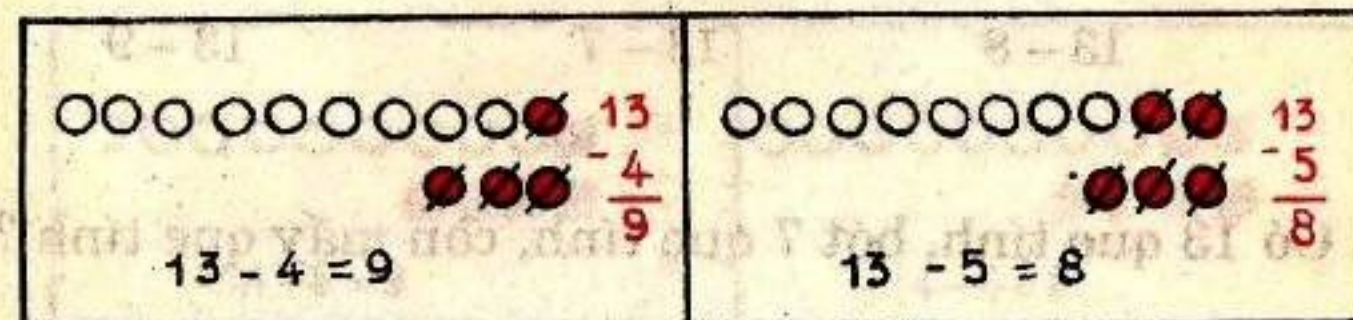
3. Anh có : 11 hòn bi

Em có ít hơn anh : 2 hòn bi

Em có : ? hòn bi



13 TRỪ ĐI MỘT SỐ



1.

$$13 - 6$$

$$13 - 5$$

$$12 - 8$$

$$12 - 9$$

$$13 - 9$$

$$13 - 4$$

$$12 - 5$$

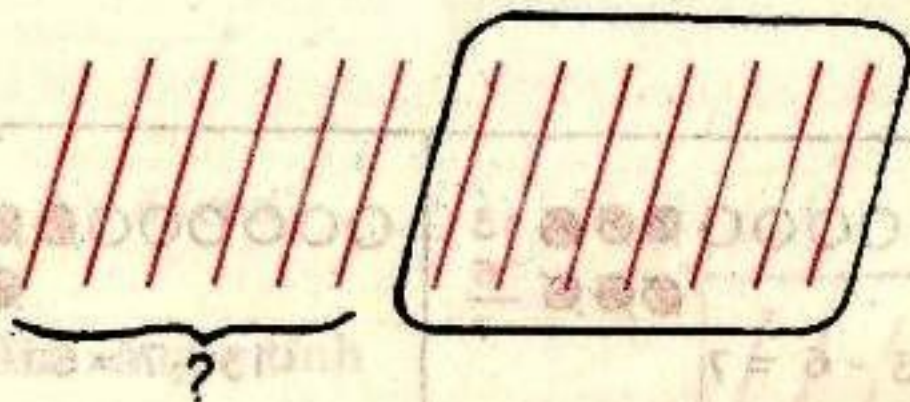
$$12 - 7$$

$$13 - 8$$

$$13 - 7$$

- 2.
- | | | |
|----------|----------|----------|
| $8 + 5$ | $7 + 6$ | $9 + 4$ |
| $5 + 8$ | $6 + 7$ | $4 + 9$ |
| $13 - 5$ | $13 - 6$ | $13 - 4$ |
| $13 - 8$ | $13 - 7$ | $13 - 9$ |

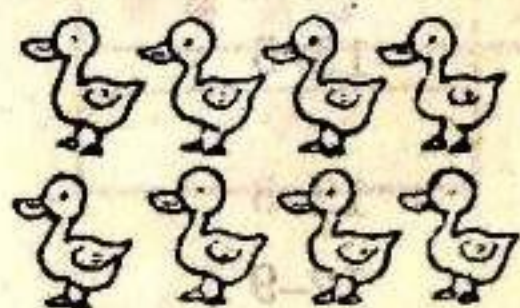
3. Có 13 que tính, bớt 7 que tính, còn mấy que tính?



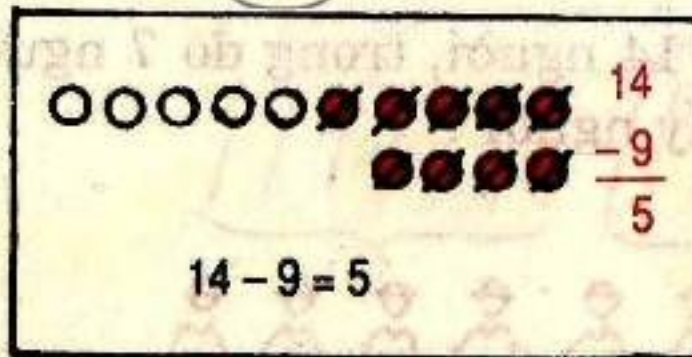
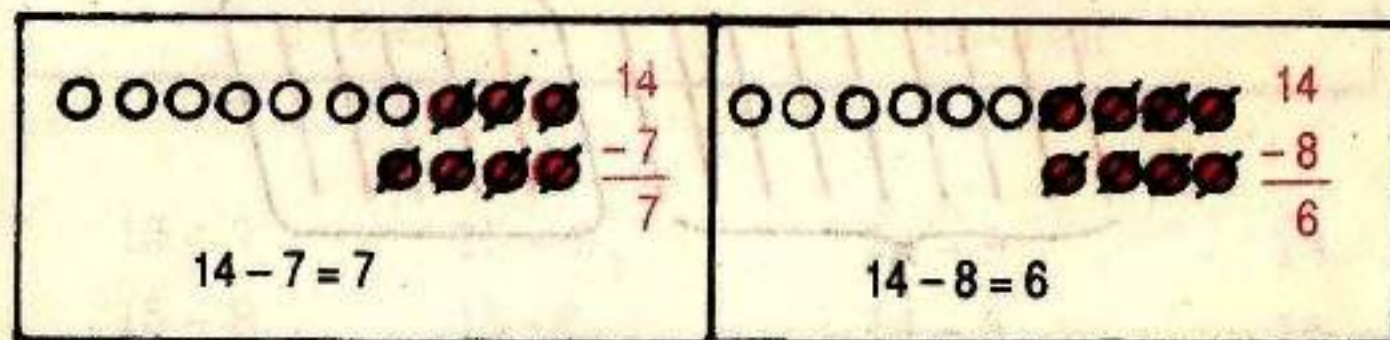
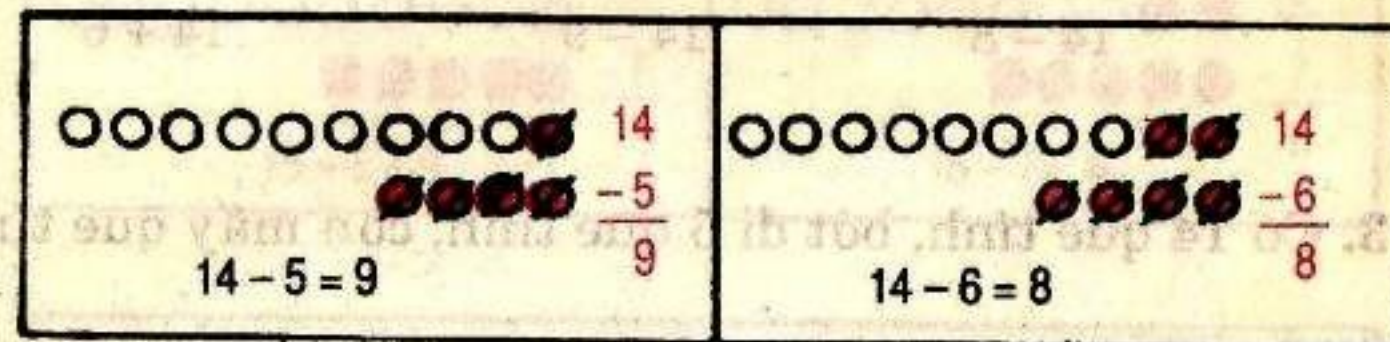
4. Cửa hàng có 13 gói bột ngọt, đã bán 5 gói. Hỏi cửa hàng còn lại mấy gói bột ngọt?



5. Nhà An có 13 con vịt và ngan, trong đó có 5 con ngan. Hỏi nhà An có mấy con vịt?



14 TRỪ ĐI MỘT SỐ



- 1.
- | | | |
|----------|----------|----------|
| $14 - 9$ | $14 - 6$ | $14 - 7$ |
| $14 - 5$ | $14 - 8$ | $13 - 9$ |
| $13 - 8$ | $13 - 6$ | |
| $13 - 6$ | $13 - 7$ | |

- 2.
- | | | |
|----------|----------|----------|
| $8 + 6$ | $9 + 5$ | $7 + 7$ |
| $6 + 8$ | $5 + 9$ | $14 - 7$ |
| $14 - 6$ | $14 - 5$ | $14 - 6$ |
| $14 - 8$ | $14 - 9$ | $14 + 6$ |

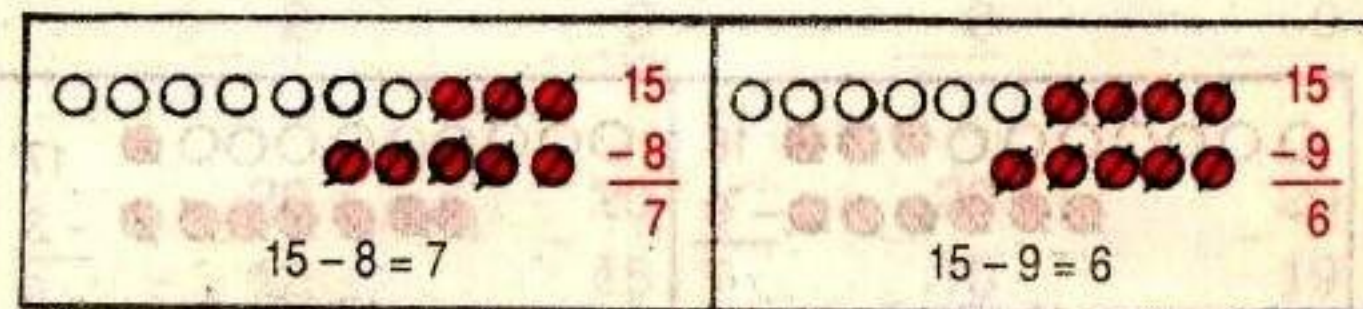
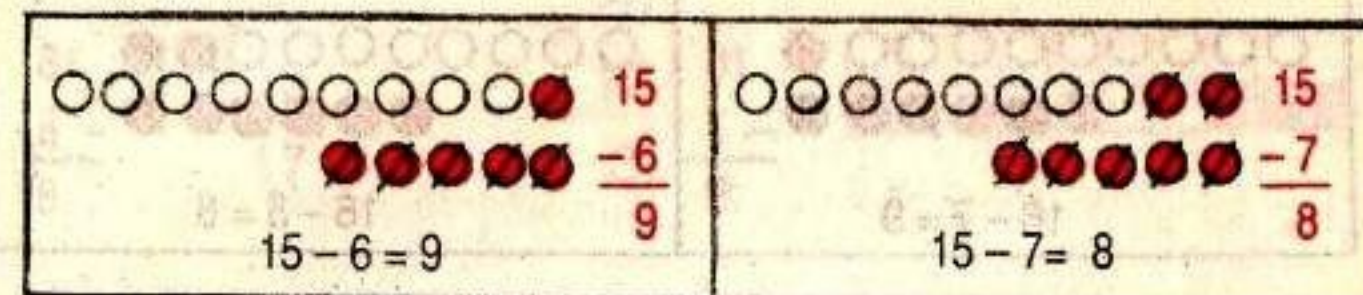
3. Có 14 que tính, bớt đi 5 que tính, còn mấy que tính ?



4. Một đội thanh niên có 14 người, trong đó 7 người đi lao động. Hỏi đội còn lại mấy người ?



15 TRỪ ĐI MỘT SỐ

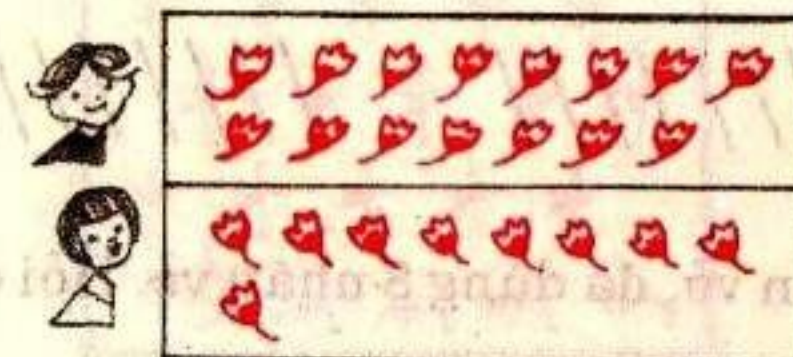


- 1.
- | | | | |
|----------|----------|----------|----------|
| $15 - 7$ | $15 - 9$ | $14 - 9$ | $14 - 0$ |
| $15 - 8$ | $15 - 6$ | $14 - 5$ | $15 - 0$ |

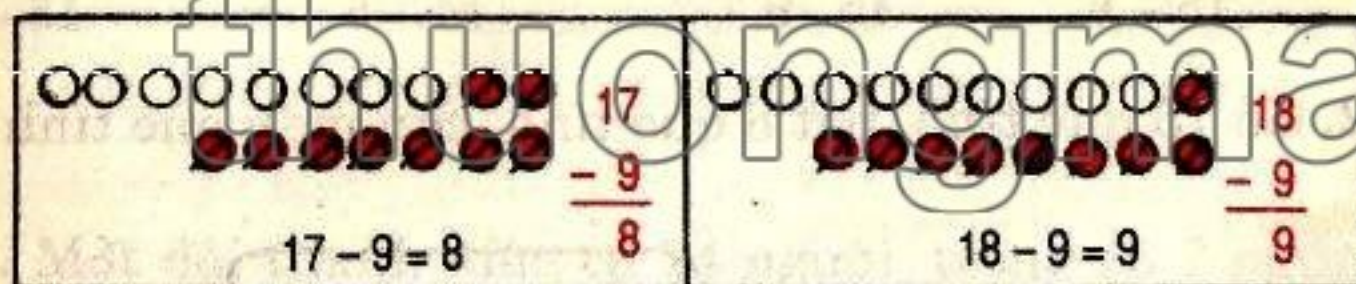
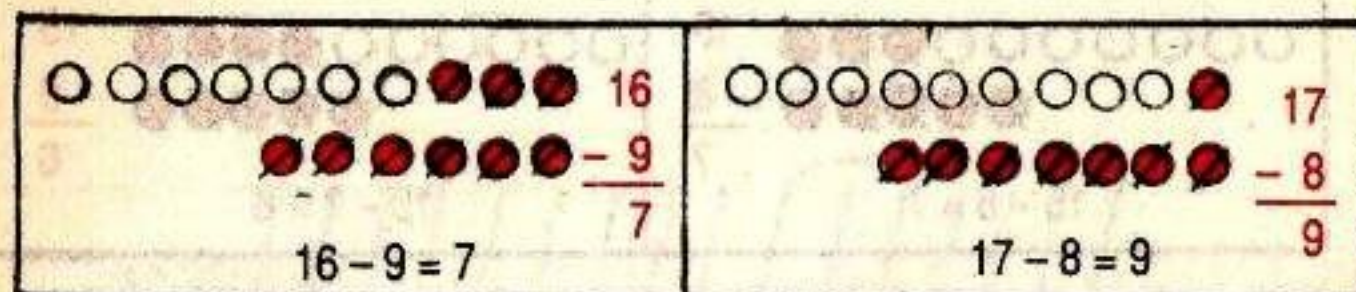
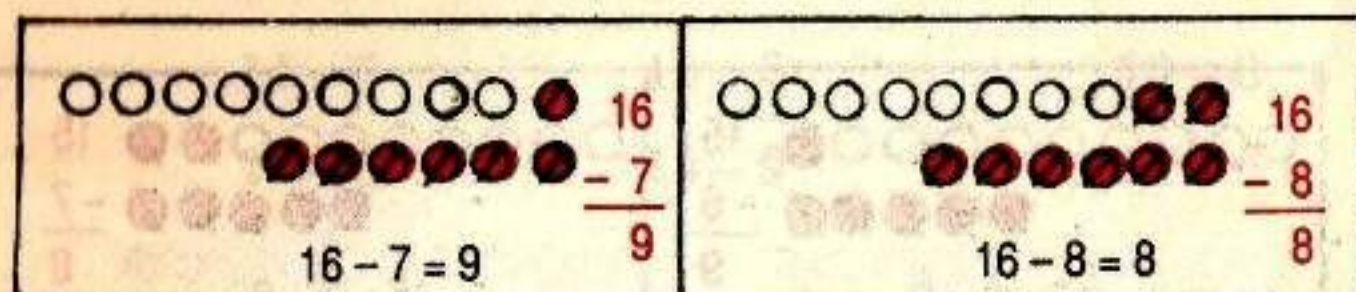
2. Có 15 que tính, bớt 8 que tính, còn mấy que tính ?



3. Hằng có 15 bông hoa, Nga ít hơn Hằng 6 bông. Hỏi Nga có mấy bông hoa ?



16, 17, 18 TRỪ ĐI MỘT SỐ



1. $18 - 9$ $16 - 9$ $15 - 9$ $14 - 9$
 $17 - 8$ $16 - 8$ $15 - 8$ $14 - 8$
 $17 - 7$ $16 - 7$ $15 - 7$ $14 - 7$

2. Có 16 que tính, bớt 8 que tính, còn mấy que tính?



3. Có 17 nhãn vở, đã dùng 8 nhãn vở. Hỏi còn mấy nhãn vở?

20 - 3

20 - 17

1.
$$\begin{array}{r} 20 \\ - 3 \\ \hline 17 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ - 17 \\ \hline 3 \end{array}$$
2.
$$\begin{array}{r} 20 \\ - 2 \\ \hline 18 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ - 5 \\ \hline 15 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ - 6 \\ \hline 14 \end{array}$$

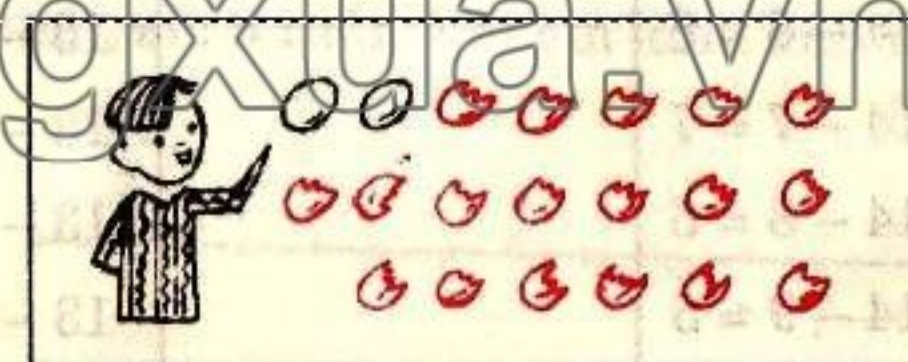
$$\begin{array}{r} 20 \\ - 9 \\ \hline 11 \end{array}$$
3.
$$\begin{array}{r} 20 \\ - 12 \\ \hline 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ - 15 \\ \hline 5 \end{array}$$

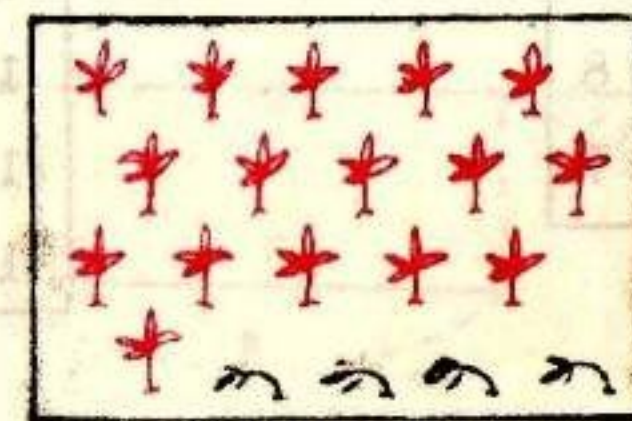
$$\begin{array}{r} 20 \\ - 16 \\ \hline 4 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ - 19 \\ \hline 1 \end{array}$$

3. Nhà em có 20 quả trứng gà, đã ăn hết 18 quả. Hỏi còn lại mấy quả trứng gà?



4. An trồng 20 cây, có 4 cây bị chết. Hỏi còn sống bao nhiêu cây?



BẢNG TRỪ

$$\begin{aligned} 12 - 3 &= 9 \\ 12 - 4 &= 8 \\ 12 - 5 &= 7 \\ 12 - 6 &= 6 \\ 12 - 7 &= 5 \\ 12 - 8 &= 4 \\ 12 - 9 &= 3 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 11 - 2 &= 9 \\ 11 - 3 &= 8 \\ 11 - 4 &= 7 \\ 11 - 5 &= 6 \\ 11 - 6 &= 5 \\ 11 - 7 &= 4 \\ 11 - 8 &= 3 \\ 11 - 9 &= 2 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 14 - 5 &= 9 \\ 14 - 6 &= 8 \\ 14 - 7 &= 7 \\ 14 - 8 &= 6 \\ 14 - 9 &= 5 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 13 - 4 &= 9 \\ 13 - 5 &= 8 \\ 13 - 6 &= 7 \\ 13 - 7 &= 6 \\ 13 - 8 &= 5 \\ 13 - 9 &= 4 \end{aligned}$$

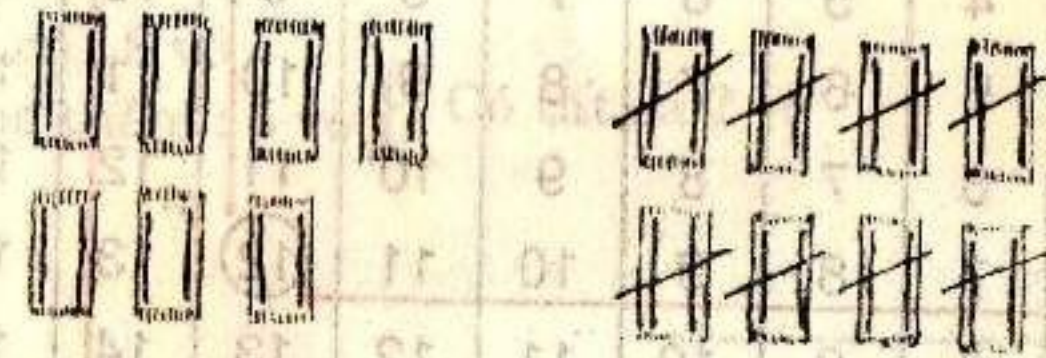
$$\begin{aligned} 16 - 7 &= 9 \\ 16 - 8 &= 8 \\ 16 - 9 &= 7 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 15 - 6 &= 9 \\ 15 - 7 &= 8 \\ 15 - 8 &= 7 \\ 15 - 9 &= 6 \end{aligned}$$

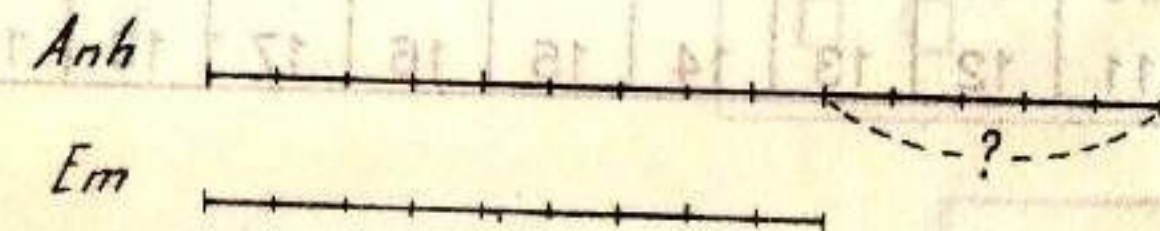
$$\begin{aligned} 17 - 9 &= 8 \\ 17 - 8 &= 9 \end{aligned}$$

$$18 - 9 = 9$$

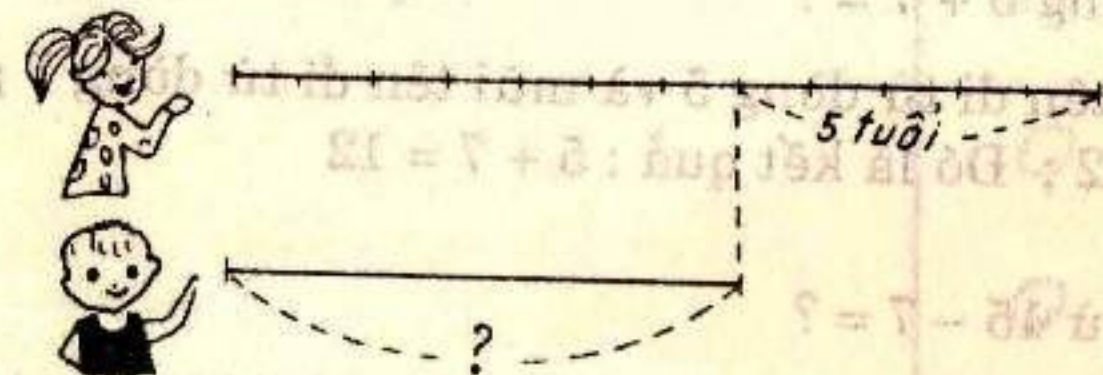
1. Cửa hàng có 15 khăn mặt, bán đi 8 cái. Hỏi cửa hàng còn mấy khăn mặt ?



2. Anh 14 tuổi, em 9 tuổi. Hỏi em kém anh mấy tuổi ?



3. Chị 12 tuổi, em kém chị 5 tuổi. Hỏi em mấy tuổi ?



ÔN TẬP

Bảng cộng trừ

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Cách dùng bảng

a) Cộng $5 + 7 = ?$

Mũi tên đi từ dòng 5 và mũi tên đi từ dòng 7 gặp nhau ở ô số 12; Đó là kết quả: $5 + 7 = 12$

b) Trừ $15 - 7 = ?$

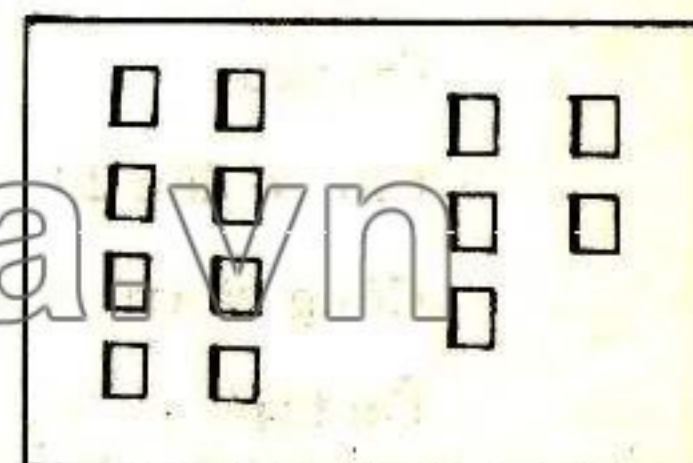
Mũi tên đi từ dòng 7 gặp ô 15; Mũi tên đi từ ô 15 này gặp ô 8; Đó là kết quả: $15 - 7 = 8$

Thực hiện phép tính rồi dùng bảng trên để kiểm tra kết quả:

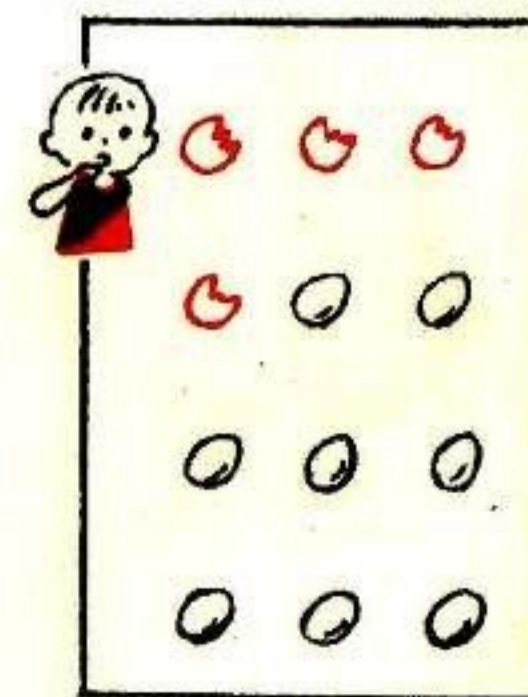
1. $3 + 9$ $4 + 7$ $8 + 8$ $5 + 8$ $5 + 5$
 $7 + 8$ $9 + 5$ $6 + 7$ $8 + 5$ $10 + 10$

2. $12 - 4$ $11 - 8$ $14 - 7$ $13 - 5$ $10 - 7$
 $15 - 6$ $17 - 9$ $18 - 9$ $13 - 8$ $20 - 17$

3. An có: 8 vở
Mua thêm: 5 vở } Có tất cả? vở



4. Có: 12 quả trứng
Đã ăn: 4 quả trứng
Còn lại? quả trứng



MỤC LỤC

Các biểu tượng ban đầu	4
Các số đến 10	8
Cộng và trừ trong phạm vi 10	20
Bảng cấu tạo các số đến 10	26
Bảng tính cộng, trừ trong phạm vi 10	28
Ôn tập	29
Các số đến 20	30
Cộng và trừ trong phạm vi 20	34
Ôn tập	62



**SÁCH ĐƯỢC IN VỚI SỰ TÀI TRỢ CỦA
QUỸ NHI ĐỒNG LIÊN HỢP QUỐC - UNICEF**

huongmaitruongxua.vn

TOÁN 1

Sách cấp I phổ cập

Mã số : 4P102t4

In 45.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm

Tại Xí nghiệp In Quốc doanh QNDN

Số in : 18 - Số XB : 902/482D

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7
năm 1994

Giá : 1500đ